



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

Địa chỉ : 230 Nguyễn Tri Phương – Tp Đà Nẵng
Điện thoại : 0511 - 3653 592 Fax : 0511 - 3653 593

-----❧❧❧-----



BẢN CÁO BẠCH

Đà Nẵng, tháng 03/2010



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

Giấy chứng nhận ĐKKD số 3203001509 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu, ngày 04 tháng 07 năm 2007

và

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400439955 thay đổi lần 4, cấp ngày 21 tháng 07 năm 2009

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: /ĐKNY do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày tháng năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Sông Ba

Địa chỉ: 230 Nguyễn Tri Phương, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: (0511) 3653 592 – 2215 592 Fax: (0511) 3653 593
Website: www.songba.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền

Website: www.eps.com.vn

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 1&2 Central Garden,
225 Bến Chương Dương,
Q. 1, TP. HCM
Điện thoại: (08) 3838 6068
Fax: (08) 3838 6896

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3, 249 Trần Đăng Ninh,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: (04) 3974 4448
Fax: (08) 3974 4501

Phụ trách công bố thông tin:

Họ & tên: Ông Phạm Thái Hùng
Số điện thoại: (0511) 2487 709

Chức vụ: Kế toán trưởng
Fax: (0511) 3653 593



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3203001509 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 04 tháng 07 năm 2007, và

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400439955 thay đổi lần 4, cấp ngày 21 tháng 07 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Ba
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	:	45.000.000 cổ phiếu (bốn mươi lăm triệu cổ phiếu)
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	:	450.000.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi tỷ đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền (EPS)

www.eps.com.vn

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 1&2 Central Garden,
225 Bến Chương Dương,
Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: (08) 3838 6068
Fax: (08) 3838 6896

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3, 249 Trần Đăng Ninh,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: (04) 3974 4448
Fax: (04) 3974 4501

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Địa chỉ: 217 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0511) 3655 886
Fax: (0511) 3655 887

**MỤC LỤC**

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	5
1.1	<i>Rủi ro về kinh tế.....</i>	5
1.2	<i>Rủi ro về luật pháp.....</i>	5
1.3	<i>Rủi ro lãi suất</i>	5
1.4	<i>Rủi ro về tỷ giá USD/VND</i>	6
1.5	<i>Rủi ro về biến động giá bán điện</i>	6
1.6	<i>Rủi ro đặc thù ngành sản xuất kinh doanh thủy điện.....</i>	7
1.7	<i>Rủi ro khác.....</i>	7
1.8	<i>Nhận định chung về các nhân tố rủi ro</i>	8
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
2.1	<i>Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Sông Ba (SBA)</i>	8
2.2	<i>Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền (EPS)</i>	8
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	9
IV.	TÌNH HÌNH & ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	10
4.1	<i>Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển</i>	10
4.2	<i>Cơ cấu tổ chức công ty</i>	12
4.3	<i>Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty</i>	13
4.4	<i>Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty</i>	17
4.5	<i>Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 31/03/2010</i>	18
4.6	<i>Danh sách những công ty mẹ, công ty con</i>	18
4.7	<i>Hoạt động kinh doanh.....</i>	19
4.8	<i>Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 2007, 2008, và 2009 đến 2012.....</i>	19
4.9	<i>Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới</i>	23
4.10	<i>Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ</i>	23
4.11	<i>Hoạt động Marketing</i>	24
4.12	<i>Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền</i>	24
4.13	<i>Các dự án lớn đang thực hiện</i>	24
4.14	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....</i>	25
4.15	<i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	26
4.16	<i>Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành</i>	26
4.17	<i>Triển vọng phát triển của ngành</i>	28
4.18	<i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới</i>	29
4.19	<i>Chính sách đối với người lao động</i>	29
4.20	<i>Chính sách cổ tức</i>	30



4.21	Tình hình hoạt động tài chính.....	30
4.22	Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế Toán Trưởng.....	34
4.23	Tài sản.....	46
4.24	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm 2009-2012.....	48
4.25	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	49
4.26	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:	49
4.27	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:.....	49
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	50
5.1	Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông	50
5.2	Mệnh giá: 10.000đồng/cổ phiếu.....	50
5.3	Tổng số cổ phiếu niêm yết: 45.000.000 cổ phiếu	50
5.4	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:.....	50
5.5	Phương pháp tính giá:.....	51
5.6	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	54
5.7	Các loại thuế có liên quan.....	54
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	55
VII.	PHỤ LỤC: Hồ sơ kèm theo.....	56



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1.1 Rủi ro về kinh tế

Các báo cáo gần đây cho thấy Việt Nam không những đã ngăn chặn được đà suy giảm kinh tế, mà còn đạt tốc độ tăng trưởng khá và tăng được nguồn lực đầu tư phát triển. GDP trong 9 tháng đầu năm 2009 tăng 4,56% dự kiến cả năm tăng khoảng 5,2%, đạt chỉ tiêu Quốc hội đề ra. Nhờ sản xuất kinh doanh phục hồi và có bước phát triển nên tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2009 dự kiến đạt khoảng 390,65 nghìn tỷ đồng, bằng 100,2% kế hoạch dự toán; bội chi ngân sách được khống chế ở mức 6,9% GDP. Tỷ lệ dư nợ quốc gia được đảm bảo an toàn so với GDP khoảng 29,7%.

Các tổ chức tài chính như BMI, EIU, ANZ, Standard Chartered và ADB cũng đã nâng dự báo về mức tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cao hơn mức dự báo trước đây cho năm 2009 và 2010. Châu Á là điểm sáng về sự phục hồi kinh tế và Việt Nam là một trong những điểm sáng về tốc độ phục hồi trong khu vực.

Theo yêu cầu của Chiến lược và Quy hoạch phát triển ngành điện, thì tới năm 2010, ngành điện phải đạt sản lượng từ 88 tỷ đến 93 tỷ kWh, để đảm bảo nhu cầu tiêu thụ năng lượng của đất nước dự báo tăng từ 17-20%/năm.

Năng lượng điện là một yếu tố đầu vào quan trọng của nền kinh tế. Sự phát triển hay suy thoái của nền kinh tế sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu năng lượng. Tuy nhiên đối với nền kinh tế mới nổi như Việt Nam, sau nhiều năm thiếu hụt đầu tư phát triển điện năng, sức cầu luôn vượt sức cung ngay cả trong hoàn cảnh suy thoái kinh tế trong năm 2008. Đặc điểm này có lẽ sẽ tiếp tục được duy trì trong khoảng 10 năm tới. Vì vậy, sự ảnh hưởng kinh tế đối với thị trường đầu ra của điện năng do Công ty Cổ phần Sông Ba sản xuất là không đáng kể.

1.2 Rủi ro về luật pháp

Vào tháng 9/2009, Ủy ban Kinh tế Quốc hội đã bàn thảo và nhất trí với những kiến nghị nhằm tạo điều kiện hoàn thành tốt mục tiêu Chiến lược và Quy hoạch phát triển ngành điện tới năm 2015. Cụ thể như: đề nghị sửa đổi, bổ sung pháp luật, cơ chế, chính sách về điện lực; sớm ban hành Luật tiết kiệm năng lượng để quản lý, sử dụng nguồn năng lượng của đất nước đạt hiệu quả, tiết kiệm, hướng tới phát triển bền vững; hoàn thiện cơ chế, chính sách về giá điện và các chính sách hỗ trợ về vốn, giải ngân, giải phóng mặt bằng các dự án điện theo Quy hoạch điện VI.

Với hệ thống pháp luật hiện tại, khả năng vẫn có thể có những thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế.... Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty. Tuy nhiên, rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao bởi đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư, nên có nhiều khả năng có những thay đổi về pháp lý theo hướng có lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Sông Ba.

1.3 Rủi ro lãi suất

Trong năm 2008, do yêu cầu ưu tiên hàng đầu là kiềm chế lạm phát, Ngân hàng Nhà nước đã phải ban hành các quyết định điều chỉnh lãi suất cơ bản có lúc đã lên đến 14%/năm chính điều này đã làm cho khung lãi suất huy động và cho vay thời gian vừa qua luôn ở mức khá cao. Tuy nhiên, bắt đầu từ ngày 22/12/2008 lãi suất cơ bản chính thức được điều chỉnh về mức 8,5%/năm, và đến ngày 01/02/2009 thì tiếp tục giảm xuống còn 7%/năm. Vào cuối năm 2009 lãi suất cơ bản lại tăng lên 8%/năm và ổn định cho tới hiện nay. Với các chính sách duy trì mức độ bình ổn nền kinh tế của chính phủ như hiện nay, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại dự kiến sẽ dao động trong tầm mức 10% - 12%/năm trong ngắn hạn và trung hạn, chưa tính đến khoảng kích cầu bù lãi suất mà ngành điện được ưu đãi.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, gói kích cầu đợt 1, thực hiện vào tháng 2/2009, có giá trị 143.000 tỷ đồng. Trong đó, có 17.000 tỷ đồng dành cho việc hỗ trợ lãi suất (4%/năm) vay vốn tín dụng. Kết quả cho thấy nền kinh tế Việt Nam đã nhanh chóng phục hồi.



Theo nguồn tin từ Bộ Tài Chính, tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2009, các thành viên Chính phủ nhất trí tiếp tục thực hiện các chính sách kích thích nền kinh tế nhằm giữ vững đà phục hồi tăng trưởng trong năm 2010. Cụ thể sẽ kéo dài thời gian ký kết và giải ngân các hợp đồng vay vốn đến hết năm 2010, nhưng giảm thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất và giảm mức hỗ trợ lãi suất từ 4% xuống 2%, đối với chính sách hỗ trợ lãi suất các khoản vay vốn trung và dài hạn theo quyết định 443 và 497 của Thủ tướng Chính phủ.

Đây là những tín hiệu tích cực đối với ngành điện nói chung, và Công ty Cổ phần Sông Ba nói riêng. Việc đầu tư xây dựng một công trình thủy điện đòi hỏi một nguồn vốn lớn trong đó tỷ trọng vốn vay chiếm đến 65%, 35% còn lại là vốn tự có, vì vậy sự dao động lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

Để giới hạn mức rủi ro lãi suất, Công ty đã thiết lập các hợp đồng vay vốn tại Ngân Hàng Phát Triển Việt Nam (VDB) và Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB) với mức lãi suất cố định là 6,9%/năm cho công trình thủy điện Krông H' năng, và việc giải ngân sẽ linh động theo tiến độ đầu tư và thi công. Nhưng riêng công trình thủy điện Khe Diên với nguồn vốn vay từ ngân hàng VCB với lãi suất thả nổi (đến nay chỉ còn 76,92 tỉ đồng), thì được Ngân hàng phát triển Việt Nam hỗ trợ lãi suất 3,9%/năm (cố định) cho suốt thời gian vay. Chi phí lãi vay sẽ được kiểm soát triệt để nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư. Do vậy, việc dao động lãi suất không ảnh hưởng nhiều đến Công ty cổ phần Sông Ba.

1.4 Rủi ro về tỷ giá USD/VND

Theo báo cáo tình hình kinh tế, xã hội năm 2009 và nhiệm vụ năm 2010 của Chính phủ vừa qua thì lượng dự trữ ngoại hối của Việt Nam khoảng 17 tỷ USD, giảm đi gần 4 tỷ USD so với con số chính thức được công bố trước đây một năm. Nếu các nguồn tài trợ bổ sung cho dự trữ ngoại hối không tăng (như vay của các định chế nước ngoài, vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam (giải ngân chứ không phải đăng ký) và mở rộng ODA (giải ngân chứ không phải cam kết), tăng kiều hối, giảm trả nợ nước ngoài và sự thu hẹp thâm hụt cán cân vãng lai) thì trong thời gian tới áp lực thả nổi tỷ giá sẽ làm giảm giá đồng VND so với đô la USD.

Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong chín tháng đầu 2009 giải ngân là 7,2 tỷ USD (bằng 88,9% so với cùng kỳ năm 2008). Không có số liệu chính thức về việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài gián tiếp (ước tính khoảng 5 tỷ USD). Còn lượng kiều hối năm nay ước khoảng 6 tỷ USD (giảm 20% so với năm trước). Vốn ODA giải ngân chưa đầy 2 tỷ USD. Trong khi đó, áp lực trả nợ nước ngoài trong năm nay là 930 triệu USD và sự thâm hụt cán cân thương mại ước khoảng trên 11 tỷ USD. Tổng hợp các phân tích trên sẽ cho thấy áp lực thả nổi tỷ giá đang gia tăng.

Đối với Công ty Cổ phần Sông Ba, lượng vay bằng ngoại tệ để đầu tư máy móc thiết bị là khoảng 6,8 triệu USD cho công trình thủy điện Krông H' năng (chiếm khoảng 5% tổng giá trị đầu tư trong công trình này), phần vay ngoại tệ cho công trình thủy điện Khe Diên là 1,45 triệu USD đã trả xong. Rủi ro về tỷ giá sẽ tác động trực tiếp đến lợi nhuận cuối cùng của Công ty. Vì vậy, Công ty tham vấn thường xuyên với các nhà tư vấn tài chính để có nhiều chuẩn bị cho kế sách tối thiểu hóa rủi ro về tỷ giá.

1.5 Rủi ro về biến động giá bán điện

Trong thị trường phát điện cạnh tranh, Bộ Công Thương yêu cầu tất cả các nhà máy điện có công suất từ 30MW trở lên, đầu nối vào lưới truyền tải điện, trừ các nhà máy BOT, sẽ phải tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Các đơn vị phát điện này sẽ phải chào giá trong giới hạn giá trần và giá sàn.

Giá trần thị trường do Cục Điều tiết điện lực phê duyệt hàng năm. Trong năm đầu tiên vận hành thị trường này, giá trần thị trường sẽ phải đảm bảo giá phát điện bình quân năm không vượt quá 5% so với giá phát điện bình quân của năm liền trước. Đồng thời, chỉ các tổ máy phát điện sử dụng nhiên liệu nội địa được xem xét trong tính toán giá trần thị trường.

Giá trần phải phù hợp với chi phí sản xuất điện năng của các công nghệ phát điện khác nhau. Trong đó, giá trần trong bản chào giá của các tổ máy nhiệt điện được xác định hàng năm, và điều chỉnh hàng tháng. Giá sàn của các nhiệt điện là 1 đồng/kWh.



Giới hạn các bản chào giá sàn hay trần của các tổ máy thủy điện được xác định theo giá trị nước hàng tuần. Giá trần của nhà máy thủy điện bằng 110% giá trị nước của nhà máy tính toán hàng tuần, giá sàn của nhà máy thủy điện là 90% giá trị nước và không được thấp hơn 0 đồng/kWh.

Ngoài ra, quy định này cũng nêu rõ, đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện sẽ lựa chọn “nhà máy điện tốt nhất” để đưa vào huy động trong năm tới.

Nhà máy điện mới tốt nhất đáp ứng tiêu chí là nhà máy đã bắt đầu vận hành thương mại và phát điện toàn bộ công suất trong năm lên kế hoạch, là nhà máy sử dụng công nghệ nhiệt điện than hoặc tua-bin khí chu trình hỗn hợp, sử dụng nhiên liệu nội địa, có chi phí phát điện toàn phần trung bình cho 1 kWh là thấp nhất.

Dự kiến năm 2010, thị trường phát điện cạnh tranh sẽ chính thức được vận hành. Theo Quyết định 276 của Thủ tướng, đây là cấp độ 1 của quá trình hình thành thị trường điện cạnh tranh hoàn chỉnh ở Việt Nam. Cấp độ 2 là hình thành thị trường ở khâu bán buôn và cuối cùng là khâu bán lẻ điện. Quyết định này được coi là mốc quan trọng đảm bảo vận hành thị trường phát điện cạnh tranh.

Hiện nay giá bán điện tại công trình thủy điện Khe Diên là 607đồng/KWh (9MW) và tại công trình thủy điện Krông H' năng là 638 đồng/KWh, giá bán điện của Sông Ba có thể thay khi thị trường phát điện cạnh tranh vận hành.

1.6 Rủi ro đặc thù ngành sản xuất kinh doanh thủy điện

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường xá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa. Tuy vậy, khi xác lập thông số thủy văn, Công ty cổ phần Sông Ba đã chọn phương án thiên thấp cho an toàn sản lượng điện hàng năm. Các năm qua tại nhà máy thủy điện Khe Diên sản lượng phát tăng từ 2% đến 10% năm.

Hiện nay, thủy điện là nguồn năng lượng chính đáp ứng nhu cầu quốc gia. Các lưu vực sông có nguồn thủy điện lớn là sông Đà, sông Đồng Nai, Sêrêpok, **sông Ba, sông Vu Gia - Thu Bồn**, sông Lô - Gâm, sông Mã và sông Cả.

Trong vài năm vừa qua và đặc biệt là những tháng gần đây lượng mưa khu vực miền Trung tăng cao đã giúp tăng sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện. Các nhà máy thủy điện của Công ty luôn cố gắng nắm vững những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1kWh là thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đê đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

1.7 Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất hỏa hoạn, chiến tranh, đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Các rủi ro trong quá trình vận hành nhà máy thủy điện, các sự cố kỹ thuật đối với các máy móc, thiết bị, các công trình đê đập, hồ chứa có thể gây đình trệ hoạt động sản xuất của Công ty, gây ảnh hưởng đến sự an toàn của máy móc, CBCNV và môi trường sinh thái trong khu vực tùy theo mức độ nghiêm trọng của sự cố. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty đã tham gia bảo hiểm cho người lao động và cho tài sản. Ngoài ra, Ban lãnh đạo của Công ty đã nhanh chóng, kịp thời đưa ra những quy định về vận hành, chế độ sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm tra định kỳ độ tin cậy của máy móc thiết bị. Bên cạnh đó Công ty cũng đã trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động và dụng cụ an toàn cho công nhân, và



đã đầu tư đội ngũ quản lý, sửa chữa, vận hành tốt. Chính vì thế, công ty luôn hoàn thành nhiệm vụ về đảm bảo an toàn vận hành, chưa để xảy ra sự cố đáng tiếc nào về kỹ thuật và an toàn lao động.

1.8 Nhận định chung về các nhân tố rủi ro

Theo nhận định chung thì trong khoảng 10 năm kể tới, sự ảnh hưởng kinh tế Việt Nam đối với thị trường đầu ra của điện năng là không đáng kể vì ngành điện là mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng quốc gia. Chính phủ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực điện năng bằng các chính sách ưu đãi về thuế và vốn vay. Vì vậy, các rủi ro pháp luật sẽ theo chiều hướng có lợi cho Công ty.

Đối với lãi suất, sự dao động lãi suất sẽ ảnh hưởng nhỏ đến lợi nhuận Công ty vì Công ty đã thực hiện chính sách vay với lãi suất cố định. Nhà đầu tư cần lưu ý điểm quan trọng này.

Đối với giá bán điện, cơ chế mua điện của EVN giới hạn sự biến động của giá bán điện. Nhưng nếu thị trường cạnh tranh ở khâu phát điện, khâu bán buôn điện và khâu bán lẻ điện được thực hiện theo tinh thần của Quyết định 276 của Thủ tướng Chính phủ thì dự kiến giá bán điện sẽ tăng lên đến mức 800 đồng/kWh (tương đương 4,5 cents/kWh, mặt bằng chung trong khu vực ASEAN). Nếu giá bán điện tăng, thì doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng, và do đó giá cổ phiếu cũng tăng. Theo nhiều chuyên gia phân tích thì thị trường cạnh tranh của ngành điện dự kiến có thể đi vào vận hành vào khoảng 2015.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

2.1 Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Sông Ba (SBA)

Ông THÁI VĂN THẮNG	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông PHẠM PHONG	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông PHẠM THÁI HÙNG	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông NGUYỄN THÀNH SƠN	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2.2 Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền (EPS)

Bà TRẦN DƯƠNG NGỌC THẢO	Chức vụ: Tổng Giám đốc
-------------------------	------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền ("EPS") tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Sông Ba ("SBA"). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu từ Công ty Cổ phần Sông Ba.



III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

“Bản cáo bạch”:	là bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư tham khảo, đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán;
“Vốn điều lệ”:	là số vốn do tất cả cổ đông góp và cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ của Công ty;
“Cổ phần”:	là phần vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
“Cổ phiếu”:	là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty;
“Cổ đông”:	là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;
“Cổ tức”:	là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;
“Năm tài chính”:	là năm mươi hai tháng được tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm;
UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
SGDCK:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
EVN:	Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
Công ty:	Công ty Cổ phần Sông Ba
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Ba
HĐQT:	Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Ba
BGD:	Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Ba
BKS:	Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Ba
KTT:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Ba
Điều lệ:	Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Ba
BCTC:	Báo cáo tài chính
SXKD:	Sản xuất kinh doanh
Thành viên chủ chốt:	Thành viên HĐQT, BGĐ, BKS, KTT Công ty Cổ phần Sông Ba
Người có liên quan:	Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên chủ chốt Công ty Cổ phần Sông Ba
Tổ chức niêm yết:	Công ty Cổ phần Sông Ba



Tổ chức tư vấn:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền (EPS)
Tổ chức kiểm toán:	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
DEC:	Dongfang Electric Corporation – China (Nhà cung cấp thiết bị Nhà máy Thủy điện Khe Diên)
SBA:	Công ty Cổ phần Sông Ba
kWh:	Kilowatt - giờ, đơn vị năng lượng tương đương 3.600.000 Jun (J)
MWh:	Megawatt - giờ, đơn vị năng lượng tương đương 10^3 kWh
GWh:	Gigawatt - giờ, đơn vị năng lượng tương đương 10^6 kWh
KW:	Kilowatt, đơn vị công suất
MW:	Megawatt, đơn vị công suất tương đương 10^3 KW
GW:	Gigawatt, đơn vị công suất tương đương 10^6 KW
KV:	Kilovolt, đơn vị hiệu thế tương đương 10^3 volt
MNDBT:	Mức nước dâng bình thường
MNDGC:	Mức nước dâng gia cường

IV. TÌNH HÌNH & ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

4.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

4.1.1 Giới thiệu về công ty

Tên giao dịch đầy đủ bằng tiếng Việt:	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA
Tên giao dịch quốc tế:	SONG BA JOINT STOCK COMPANY
Tên giao dịch viết tắt:	SBA
Vốn điều lệ:	500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)
Vốn thực góp, tính đến 31/12/2009:	450.000.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi tỷ đồng)
Giấy chứng nhận ĐKKD:	- Số 3203001509 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu, ngày 04 tháng 07 năm 2007. - Số 0400439955 thay đổi lần 4, cấp ngày 21 tháng 07 năm 2009
Mã số thuế:	04 00 43 99 55
Địa chỉ trụ sở chính:	Công ty Cổ phần Sông Ba 230 Nguyễn Tri Phương Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam Tel: (0511) 3653 592; Fax: (0511) 3653 593
Website:	www.songba.vn



Email:

sba2007@songba.vn

Lưu ý: Cổ đông sáng lập (Công ty Điện lực 3) của Công ty sẽ góp vốn thêm 50.000.000.000 đồng (*năm mươi tỷ đồng*) trước ngày 30/04/2010 để nâng số vốn thực góp lên bằng số vốn điều lệ. Việc góp thêm vốn sẽ được thực hiện theo các điều luật liên quan.

4.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển

- Ngày 02/01/2003 Công ty TNHH Đầu Tư và Phát triển Điện Sông Ba được thành lập với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty Điện Lực 3 (viết tắt là PC3) thuộc Tổng Công ty Điện Lực Việt Nam (EVN) và Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (mã chứng khoán VNE niêm yết trên SGDCK Hồ Chí Minh); Công ty TNHH ĐT&PT Điện Sông Ba được quyền hạch toán độc lập.
- Ngày 21/01/2005, Công ty bổ sung điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng.
- Ngày 29/05/2007 được chuyển đổi thành Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Sông Ba gồm 07 thành viên với vốn điều lệ đăng ký là 500 tỷ đồng và Hội đồng thành viên đã ra nghị quyết góp vốn theo tiến độ phát triển của các dự án thủy điện của Công ty.
- Ngày 04/7/2007 chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Sông Ba với vốn điều lệ đăng ký là 500 tỷ đồng.
- Ngày 31/07/2007 là ngày kết thúc cho năm tài chính cuối cùng dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.
- Ngày 01/08/2007 là ngày bắt đầu cho năm tài chính đầu tiên dưới hình thức công ty cổ phần với tổng vốn góp tại thời điểm này là 176 tỷ đồng.
- Sau đó, Công ty thực hiện nghị quyết góp vốn theo tiến độ và huy động thành công 5 đợt góp vốn từ cổ đông hiện hữu và CBCNV để mang tổng số vốn góp tính đến thời điểm 31/12/2009 là 450 tỷ đồng

4.1.3 Hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện;
- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình thủy điện có công suất đến 30 MW, đường dây và trạm biến áp đến 110 KV;
- Tư vấn giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp đến 110 KV;
- Khai thác khoáng sản và nạo vét lòng hồ;
- Tư vấn đào tạo nghề (quản lý, vận hành nhà máy thủy điện);
- Tư vấn giải pháp về môi trường, tái định canh, tái định cư;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện;
- Lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy thủy điện;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng bán tại chân công trình;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị cơ điện.

Các hoạt động mang lại doanh thu chính:

- Công ty hiện đang khai thác nhà máy thủy điện Khe Diên (9MW) và sắp sửa đưa vào khai thác nhà máy thủy điện Krông H'Năng (64MW).

a) Công trình thủy điện Khe Diên (9MW)



hình 1: Đập Khe Diên

- Công trình thủy điện Khe Diên (thuộc huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam): 9MW, hoàn thành vào tháng 5 năm 2007, cung cấp sản lượng điện 45 triệu kWh/năm, tạo doanh thu hơn 27 tỷ đồng/năm.

b) Công trình thủy điện Krông H'Năng (64MW)



hình 2: Công trình Krông H'Năng, 03/2009

- Công trình thủy điện Krông H'Năng (thuộc huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên): 64MW, đã hoàn tất 85% công trình, dự kiến đi vào vận hành trong quý I/2010, sẽ cung cấp sản lượng điện 247,4 triệu kWh/năm, và tạo doanh thu hơn 165 tỷ đồng/năm.

4.1.4 Những thành tích đạt được:



hình 3: Huân chương lao động hạng III, 2008

- Ngày 04/07/2008 Công ty cổ phần Sông Ba đã tổ chức lễ đón nhận Huân Chương Lao Động hạng ba do Chủ tịch Nước trao tặng về những thành tích xuất sắc đạt được trong suốt thời gian từ ngày thành lập cho đến nay, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ Nghĩa Xã hội và Bảo vệ Tổ quốc.

4.2 Cơ cấu tổ chức công ty

Tổ chức Công ty gồm có trụ sở chính và 2 chi nhánh, tổng cộng 114 cán bộ công nhân viên.

4.2.1 Trụ sở chính:

- Hội đồng quản trị: 5 người
- Ban Giám đốc: 3 người (Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc)
- Các Phòng/ban chuyên môn nghiệp vụ:
 - Phòng Tổng hợp: 11 người
 - Phòng Kỹ thuật: 8 người

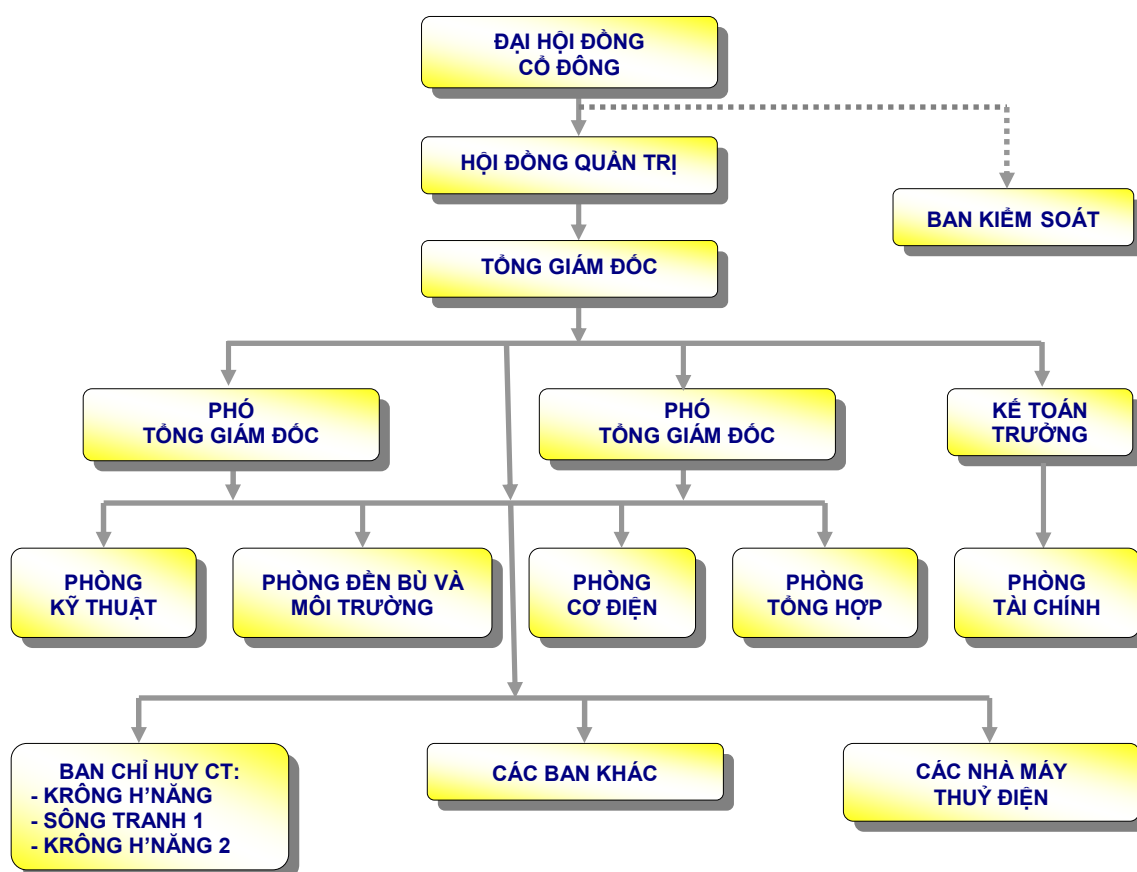


- Phòng Cơ điện: 8 người
- Phòng Đền bù và Môi trường: 7 người
- Phòng Tài chính: 6 người
- Ban ISO (lấy CB- CNV các Phòng, Ban)
- Ban CHCT Krông H'ăng: 12 người
- Ban CHCT Krông H'ăng 2: 6 người
- Ban CHCT Sông Tranh 1: 4 người
- Ban Chuẩn bị sản xuất Krông H'ăng: 24 người

4.2.2 Chi nhánh Công ty:

- Nhà máy Thủy điện Khe Diên.
Địa chỉ: xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.
Cán bộ công nhân viên có: 25 người
- Nhà máy thủy điện Krông H'ăng:
Địa chỉ: xã Ealy, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên

4.3 Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



4.3.1 Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty chiếu theo Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên hoặc bất thường ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ



đồng phải được tổ chức họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4.3.2 Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị bao gồm 5 thành viên. Đây là cơ quan có thẩm quyền cao thứ nhì sau ĐHĐCĐ. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi và hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có trách nhiệm quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm, giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

4.3.3 Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có ba (3) thành viên do ĐHĐCĐ bầu và bãi miễn, trong đó có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 4 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát là thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Cụ thể là kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

4.3.4 Ban điều hành:

Công ty có một Tổng Giám đốc, hai Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT. Tổng Giám đốc là người có trách nhiệm quản lý và điều hành hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty, song song đó là người tham mưu cho HĐQT về mặt hoạch định các mục tiêu, chính sách. Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế Toán trưởng và các phòng ban nghiệp vụ.

4.3.5 Các phòng ban nghiệp vụ và nhà máy thủy điện trực thuộc Công ty:

Phòng tài chính:

Công tác kế hoạch tài chính:

- Lập kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty;
- Lập kế hoạch tài chính cho các dự án;
- Xây dựng kế hoạch vay vốn; nghiên cứu đề xuất các biện pháp khai thác, sử dụng các nguồn vốn hiệu quả;

Công tác quản lý tài chính:

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc quản lý và sử dụng các nguồn vốn, các quỹ của Công ty theo đúng quy định;
- Thẩm tra giá các loại vật tư thiết bị, tài sản trong quá trình mua sắm phục vụ sản xuất, đầu tư hoặc nhượng bán, thanh lý tài sản vật tư;
- Phối hợp với Phòng Kỹ thuật, Tổng hợp lập và trình duyệt quyết toán vốn đầu tư các công trình hoàn thành;
- Phối hợp với Phòng Tổng hợp thực hiện công tác thẩm tra các phiếu giá thanh toán, quyết toán các hạng mục công trình, quyết toán công trình theo tiến độ.

Công tác quản lý tài sản:

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc tổ chức quản lý tài sản cố định, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác quản lý tài sản;
- Theo dõi, quản lý vốn huy động từ cổ đông.

Phòng Tổng hợp:

Quản lý công tác Kế hoạch:

- Nghiên cứu đề xuất các phương án hoạt động mang lại hiệu quả cao cho Công ty;
- Xây dựng các Kế hoạch: Kế hoạch xây dựng cơ bản, Kế hoạch sản xuất hàng năm, trung và dài hạn;



- Thực hiện công tác báo cáo thống kê về đầu tư và sản xuất điện năng và báo cáo sơ tổng kết hằng năm;
- Giám sát và theo dõi kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch, đề xuất các biện pháp để hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch đã vạch ra;
- Soạn thảo, quản lý, theo dõi, đôn đốc thực hiện các hợp đồng tư vấn, xây lắp và các hợp đồng khác;
- Xây dựng và trình duyệt kế hoạch đấu thầu; kiểm tra, trình duyệt hồ sơ mời thầu và tổ chức đấu thầu;
- Phối hợp với các phòng trong công tác bàn giao công trình hoàn thành.

Quản lý công tác tổ chức, đào tạo:

- Tổ chức bộ máy và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty;
- Xây dựng các quy chế hoạt động của Công ty; thành lập các Hội đồng, Ban, Tổ tư vấn cho lãnh đạo về công tác quản lý;
- Thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước cho người lao động;
- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, thi tay nghề cho công nhân viên toàn Công ty.

Quản lý công tác hành chính:

- Chịu trách nhiệm chính về kiểm tra thể thức và phát hành công văn;
- Công tác lưu trữ các công văn, và hồ sơ pháp lý, quản lý sử dụng các con dấu của Công ty;
- Quản lý và đề xuất mua sắm trang thiết bị văn phòng cho các đơn vị;
- Điều động xe máy, lập kế hoạch sửa chữa xe ô tô và các thiết bị văn phòng theo định kỳ;
- Tham mưu xử lý và giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo trong phạm vi Công ty.

Phòng Kỹ thuật:

Công tác quản lý kỹ thuật:

- Nghiên cứu các Dự án đầu tư để đề xuất giải pháp thực hiện Dự án có hiệu quả nhất về kinh tế, bảo đảm về mặt kỹ thuật.
- Tổ chức giám sát, thẩm tra và nghiệm thu đề án; chủ trì và phối hợp các phòng liên quan kiểm tra và trình duyệt BCĐTXD, TKKT và bản vẽ thi công;
- Giám sát tiến độ, chất lượng công trình trong quá trình xây lắp và nghiệm thu khối lượng thi công;
- Nghiên cứu soạn thảo quy trình vận hành, sửa chữa phần xây dựng thuộc Nhà máy thủy điện;
- Ban hành, hướng dẫn các qui định quản lý, định mức, phương pháp tính toán các chỉ tiêu, định mức kỹ thuật phù hợp với các qui định của Nhà nước, tiêu chuẩn khác thống nhất áp dụng trong toàn Công ty.

Công tác Tư vấn xây dựng công trình:

- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Khảo sát, thiết kế công trình xây dựng;
- Giám sát xây dựng công trình xây dựng;
- Quản lý dự án công trình xây dựng.

Phòng Cơ điện:

Công tác tại các Nhà máy điện:

- Đào tạo công nhân, kỹ sư vận hành, sửa chữa;
- Nghiên cứu thiết bị để dự phòng thay thế, sửa chữa;
- Khắc phục sự cố.

Công tác đầu tư xây dựng:

- Kiểm soát hồ sơ thiết kế sơ bộ, thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công của các phần cơ, điện, thủy lực, tự động, viễn thông, tin học;
- Chủ trì công tác tư vấn: Giám sát lắp đặt thiết bị cơ, điện trong các nhà máy thủy điện; Lập dự án đầu tư khảo sát thiết kế các hạng mục công trình lưới điện đến 35kV.

Công tác quản lý vật tư - thiết bị :



- Tổ chức mua sắm, quản lý và cung cấp các loại vật tư, thiết bị phục vụ cho dự án và sản xuất; tổ chức thanh xử lý đối với các loại vật tư thiết bị thu hồi, không sử dụng theo đúng quy định;
- Đối chiếu, thanh quyết toán vật tư thiết bị với các đơn vị thi công khi công trình hoàn thành. Kiểm tra cập nhật và lập báo cáo định kỳ về tình hình vật tư thiết bị.

Công tác an toàn:

- Soạn thảo, phổ biến, hướng dẫn, theo dõi đơn đốc việc thực hiện qui trình kỹ thuật và kỹ thuật an toàn cho các Nhà máy thủy điện, công trình truyền tải điện theo qui định.

Phòng Đền bù và Môi trường:

Công tác đền bù, tái định canh định cư:

- Rà soát hồ sơ đền bù do Tư vấn lập trước khi trình duyệt; phối hợp các Ban, Ngành của địa phương cùng đi kiểm tra thực tế để thẩm định hồ sơ và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án đền bù;

Công tác thuê đất để xây dựng công trình:

- Kiểm tra hồ sơ xin thuê đất do Tư vấn lập; làm việc với địa phương và các cấp liên quan để thẩm tra hồ sơ xin thuê đất;
- Làm việc với Sở Tài nguyên môi trường để lập Hợp đồng thuê đất xây dựng công trình;

Công tác môi trường:

- Tổng hợp hồ sơ đánh giá tác động môi trường của dự án; làm việc với các cấp có thẩm quyền để được chứng nhận đảm bảo môi trường của dự án.

Các Ban Chỉ huy công trình:

Tổ chức thực hiện, kiểm tra đơn đốc các đơn vị liên quan để hoàn thành công trình, cụ thể như sau:

- Đối với Nhà thầu: yêu cầu các Nhà thầu xây dựng và cung cấp vật tư thiết bị thực hiện các hạng mục công trình đúng khối lượng, chất lượng và tiến độ; đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, qui trình, qui phạm hiện hành;
- Đối với đơn vị tư vấn: đơn đốc các đơn vị tư vấn kiểm tra giám sát các nhà thầu thực hiện xây dựng theo đúng thiết kế được duyệt, các phát sinh cần phối hợp xử lý đúng qui định;
- Đối với địa phương: phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND các địa phương để giải quyết các vướng mắc trong quá trình rà phá bom mìn, giải phóng mặt bằng xây dựng để thi công xây dựng công trình;
- Đối với các đơn vị trong công ty: yêu cầu các đơn vị cùng phối hợp thực hiện nghiệm thu khối lượng xây dựng và cung cấp vật tư thiết bị theo qui định, quản lý công tác đền bù, di dân tái định cư, tái định canh theo đúng chính sách, chế độ của Nhà nước, địa phương;

Các Nhà máy Thủy điện:

Công tác kế hoạch:

- Phối hợp với Phòng Tổng hợp của Công ty lập phương án tổ chức quản lý vận hành của Nhà máy;
- Lập kế hoạch sản xuất điện chi tiết theo giờ (cao điểm, trung bình, thấp điểm)...., từ đó có kế hoạch đăng ký bán điện hợp lý;
- Lập kế hoạch tổng hợp về lao động, tiền lương, chi phí...., và kết quả sản xuất kinh doanh của Nhà máy.

Quản lý vận hành an toàn, hiệu quả:

- Chủ động sáng tạo trong điều hành sản xuất, quản lý vận hành sao cho có hiệu quả nhất.
- Phối hợp với Phòng Cơ điện, Phòng Kỹ thuật soạn thảo ban hành các Quy trình: Kỹ thuật an toàn, vận hành, sửa chữa của Nhà máy.
- Tổng hợp kết quả kinh doanh, báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc Công ty theo quy định.

Nâng cao năng suất, hiệu suất Nhà máy:



- Nghiên cứu đưa ra các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật tối ưu trong quản lý vận hành nhà máy;
- Theo dõi vận hành theo chu kỳ nhất định để kiểm tra đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, từ đó có giải pháp thích hợp để điều chỉnh thông số vận hành đạt công suất cao.

4.4 Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

4.4.1 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tính đến ngày 31/03/2010

STT	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Cổ phần phổ thông nắm giữ	
			Số lượng (cp)	Tỉ lệ (%)
1	Công ty Điện lực 3 (chi tiết người đại diện nêu bên dưới)	393 Trưng Nữ Vương - Quận Hải châu, Tp. Đà Nẵng Giấy ĐKKD số: 3206000153, thay đổi lần thứ 10, ngày 04/06/2007, cấp bởi Sở KH&ĐT Tp. Đà Nẵng	9.900.000	22,0%
	Cộng:		9.900.000	22,0%
Người đại diện cho Công ty Điện lực 3:				
	Ông Thái Văn Thắng, làm đại diện cho Công ty Điện lực 3	K75/11 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng Giấy CMND số: 200022273; ngày cấp: 14/08/2008; nơi cấp: CA Đà Nẵng	4.950.000	11,0%
	Ông Phạm Phong, làm đại diện cho Công ty Điện lực 3	42 Thái Phiên, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng Giấy CMND số: 200186849; ngày cấp: 28/01/1994; nơi cấp: CA Quảng Nam Đà Nẵng	2.970.000	6,6%
	Ông Đinh Châu Hiếu Thiện, làm đại diện cho Công ty Điện lực 3	K62/10 Núi Thành, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng Giấy CMND số: 200883515; ngày cấp: 26/06/2007; nơi cấp: CA Đà Nẵng	1.980.000	4,4%
	Cộng:		9.900.000	22,0%



4.4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tính đến ngày 31/03/2010

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Cổ phần phổ thông nắm giữ	
			Số lượng (cp)	Tỉ lệ (%)
1	Công ty Điện lực 3 (xem chi tiết người đại diện nêu trên)	393 Trưng Nữ Vương - Quận Hải châu, TP Đà Nẵng Giấy ĐKKD số: 3206000153, thay đổi lần thứ 10, ngày 04/06/2007, cấp bởi Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp Đà Nẵng	9.900.000	22,00
	Cộng:		9.900.000	22,00

4.5 Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 31/03/2010

Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu (cp)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1. Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2. Cổ đông nội bộ (HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, KTT)	9	543.770	1,21%
3. Cổ đông trong Công ty	79	664.447	1,48%
a. Cổ phiếu quỹ	0	0	0
b. Cán bộ công nhân viên	79	664.447	1,48%
4. Cổ đông ngoài Công ty	6.286	43.791.783	97,31%
a. Trong nước			
+ Tổ chức:	20	14.322.006	31,82%
+ Cá nhân:	6.266	29.469.777	65,49%
b. Nước ngoài :			
+ Tổ chức:	-	-	-
+ Cá nhân:	-	-	-
Cộng : (1+2+3+4)	6.374	45.000.000	100%

4.6 Danh sách những công ty mẹ, công ty con

- Hiện tại, Công ty Cổ phần Sông Ba không hoạt động theo mô hình công ty mẹ và công ty con.



- Công ty Cổ phần Sông Ba không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của công ty nào và cũng không bị công ty nào nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.

4.7 Hoạt động kinh doanh

Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện và vận hành sản xuất điện năng là hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sông Ba (chiếm tỷ trọng 99% doanh thu), bên cạnh đó Công ty còn cung cấp các dịch vụ đang mang lại nguồn thu khác (1% doanh thu) bao gồm: hoạt động chuyển nhượng, đấu thầu dự án, và quản lý dự án thuê.

4.8 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 2007, 2008, và 2009 đến 2012

Về hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng, Công ty hiện đang vận hành và khai thác Nhà máy Thủy điện Khe Diên (9 MW). Còn Nhà máy Thủy điện Krông H'Năng (64MW) thì dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong quý I/2010.

Bảng 1: Thông tin về sản lượng điện và doanh thu (2007 – 2012)

(ĐVT: triệu kWh, triệu đồng, %)

Năm	2007 (A)	2008 (A)	2009 (A)	2010 (E)	2011 (E)	2012 (E)
NMTD Khe Diên (9MW)	(5 tháng)					
Kế hoạch SX (triệu kWh)	20,0	40,06	42,0	45,0	45,0	45,0
Thực hiện (triệu kWh)	23,6	41,7	44,5			
Tỷ lệ thực hiện (%)	118%	101,9%	108,1%			
Doanh thu từ NMTD Khe Diên (triệu đồng)	12.998	25.086	27.036	28.465	29.034	29.615
NMTD Krông H'Năng (64MW)						
Kế hoạch SX (triệu kWh)				198,1	247,4	247,4
Thực hiện (triệu kWh)				-	-	-
Tỷ lệ thực hiện (%)				-	-	-
Doanh thu từ NMTD Krông H'Năng (triệu đồng)				126.415	161.180	164.403
Doanh thu bán điện (Khe Diên + Krông H'Năng) (triệu đồng)	12.998	25.086	27.036	154.880	190.214	194.019

Nguồn: Báo cáo tài chính 2007, 2008, 2009 (đã kiểm toán) và kế hoạch 2010 – 2012.

Nhà máy Thủy điện Khe Diên đã được chính thức đưa vào vận hành thương mại từ ngày 28/5/2007, hiện đang sản xuất điện thương phẩm để cung cấp trực tiếp cho Công ty điện lực 3 (“PC3”) thuộc Tổng công ty điện lực Việt Nam (“EVN”) theo Hợp đồng mua bán điện số 02-2008/KHEDIEN/S3-PC3, ngày 25/02/2008 ký kết giữa Công ty và PC3 là bên mua. Theo Hợp đồng này Công ty Cổ phần Sông Ba cung cấp điện cho PC3 theo biểu đồ do Trung tâm Điều độ A3 quy định.

Nhà máy Thủy điện Krông H'Năng hiện đang được xây dựng (85% công trình đã hoàn tất). Dự kiến sẽ đi vào hoạt động vào quý I/2010. Đã có thỏa thuận về giá bán điện với Công ty mua bán điện (trực thuộc EVN). Sự hoạt động của nhà máy thủy điện Krông H'Năng sẽ giúp tăng tổng sản lượng điện thương phẩm lên thành 292,4 triệu kWh/năm.

Tổng doanh thu bán điện cũng sẽ tăng từ 27 tỷ đồng/năm (2009) lên đến 194 tỷ đồng/năm (2010-2012), tương đương 7,2 lần.

4.8.1 Nguyên vật liệu

Nguyên liệu đầu vào của nhà máy thủy điện là nguồn nước thiên nhiên. Vì vậy độ ổn định của nguồn nước thiên nhiên cùng với điều kiện thời tiết, khí hậu trong vùng lưu vực hồ chứa nước và lưu vực sông đầu nguồn là những yếu tố chính quyết định tới sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của một nhà máy thủy điện. Do đó, không có chi phí cho nguyên liệu đầu vào.



Nhà máy Thủy điện Khe Diên (9MW) nằm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, công suất hoạt động và sản lượng của nhà máy phụ thuộc vào nguồn nước tự nhiên từ chi lưu sông Thu Bồn, thuộc địa phận xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Vị trí tuyến đập nằm ở khoảng: 15041'05" vĩ độ Bắc ; 107056'48" kinh độ Đông. Cách thành phố Tam Kỳ khoảng 60 km về phía Tây - Tây Bắc, cách thành phố Đà Nẵng khoảng 47 km về phía Tây Nam. Công trình Thủy điện Khe Diên với công suất thiết kế là 9 MW gồm 2 tổ máy, được đặt ở bên bờ phải khe Tầm Phục, cách tuyến đập khoảng 2 km về phía Đông Bắc, thuộc dạng thủy điện đường dẫn với mực nước giao động Max/min là 217.80/182.19 mét, lượng điện trung bình xấp xỉ 45 triệu KWh/năm, dung tích của hồ chứa là 26,15 triệu m³, dung tích hữu ích của toàn bộ hồ chứa là 24,56 triệu m³.

Tình hình nguồn nước tại Khe Diên: Thực tế cho thấy trong mùa lũ chính vụ năm 2007 (từ 02/11/2007 đến tháng 01/2008), tuy không có lũ lớn, nhưng Nhà máy phát điện với công suất tương đối lớn và nước hồ vẫn tràn qua đập tràn. Điều này chứng tỏ nguồn nước thực tế tại Khe Diên có khả năng lớn hơn nguồn nước đã tính toán trong thiết kế kỹ thuật ban đầu.

Nhà máy Thủy điện Krông H'Năng (64MW) được xây dựng phía trên đỉnh thác thuộc sông Krông H'Năng, gần nơi nhập lưu của nhánh suối Hố Nai với sông Krông H'Năng. Sông Krông H'Năng là một nhánh sông trong hệ thống sông Ba, nơi có tiềm năng cao về thủy điện. Công trình thủy điện Krông H'Năng đã được Bộ Công nghiệp xem xét đưa vào thư tự ưu tiên tiếp sau công trình thủy điện Sông Hinh (70MW) và Sông Ba Hạ (170MW). Các thông số chính của công trình thủy điện Krông H'Năng là diện tích lưu vực (1.168 km²), lượng mưa trung bình nhiều năm (1.780mm/năm), lưu lượng trung bình nhiều năm (32,5 m³/s), mực nước dâng bình thường (255m) và mực nước chết (242,5m). Sản lượng điện trung bình năm là khoảng 247,4 triệu kWh.

Tình hình nguồn nước tại Krông H'Năng: vào giữa tháng 10/2009 Công ty đã thực hiện đóng cửa đập để tích nước. Mực nước dâng nhanh chóng vì mùa lũ về sớm trong năm nay. Công ty đã mở cửa chắn lũ cho nước thoát bớt để điều chỉnh dòng chảy cho phù hợp. Các tài liệu quan trắc của các trạm thủy văn trong lưu vực cho thấy tình hình nguồn nước tại Krông H'Năng tương đối ổn định và phù hợp với công suất thiết kế của công trình (64MW).

Về vật tư, phụ liệu dùng cho vận hành máy móc thiết bị như là dầu bôi trơn. Đây là nguồn vật tư, phụ liệu được mua trong nước; có nguồn bán rộng rãi trên thị trường, dễ kiểm soát chất lượng; chiếm tỉ trọng nhỏ trong chi phí sản xuất; Công ty không dự trữ hàng tồn kho, chỉ dự phòng cho sự cố trong sản xuất.



4.8.2 Chi phí sản xuất

Bảng 2: Chi phí sản xuất

(ĐVT: triệu đồng, %)

	2007 (A)	2008 (A)	2009 (A)	2010 (E)	2011 (E)	2012 (E)
	(5 tháng)					
Doanh thu thuần (DTT)	12.998	25.086	27.036	154.880	190.214	194.019
Chi phí sản xuất						
Chi phí trực tiếp (thay đổi theo sản lượng điện)	1.029	1.812	2.382	10.565	12.781	12.781
% DTT	7,92%	7,22%	8,81%	6,82%	6,72%	6,59%
Chi phí gián tiếp (tăng 5%/năm)	932	1.035	3.613	2.283	2.398	2.518
% DTT	7,17%	4,08%	13,36%	1,47%	1,26%	1,29%
Thuế tài nguyên (2% x sản lượng điện x 940 đồng)	320	677	810	4.571	5.502	5.502
% DTT	2,46%	2,67%	3,00%	2,95%	2,89%	2,84%
Chi phí khấu hao	3.352	7.910	8.082	62.782	68.115	68.115
% DTT	25,79%	31,19%	29,89%	40,53%	35,81%	35,11%
Chi phí lãi vay	4.624	12.833	8.435	65.853	60.186	51.395
% DTT	35,57%	50,60%	31,20%	42,52%	31,64%	26,49%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.741	819	3.714	8.826	41.232	53.708
% DTT	21,09%	3,26%	13,74%	5,70%	21,68%	27,68%

Theo bảng phân tích bên trên, doanh thu thuần sẽ tăng đột phá vào năm 2010 và 2011 vì nhà máy thủy điện Krông H'Năng sẽ được đưa vào hoạt động vào quý 1/2010.

- Chi phí trực tiếp: nhà máy thủy điện thường nằm ở vùng sâu vùng xa, nên muốn khuyến khích công nhân vận hành nhà máy hiệu quả, Công ty thực hiện chính sách trả một phần lương cho công nhân viên và các kỹ sư điều hành nhà máy theo sản lượng điện sản xuất. Chi phí này nằm ở khoảng 6,7% doanh thu.
- Chi phí gián tiếp: chủ yếu là chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên trong năm 2009, loại chi phí này đã tăng đột biến vì lý do chi phí ngoài ước tính liên quan đến việc chuẩn bị thi công công trình thủy điện Krông H'Năng. Theo dự toán, thì chi phí gián tiếp sẽ giảm trở về mức trung bình 2,4 tỷ mỗi năm (tức khoảng 1,3% doanh thu).
- Thuế tài nguyên: được tính theo công thức (2% x sản lượng điện x 940 đồng), và chiếm khoảng 2,8% doanh thu.

Cộng các chi phí trên, chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty là khoảng 10,8% (6,7% + 1,3% + 2,8%) trên tổng doanh thu. Vì vậy, lợi nhuận trước khấu hao, lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là khoảng 89,3% doanh thu.

- Chi phí khấu hao: được tính theo phương pháp khấu hao đều đặn theo tuổi đời của tài sản. Đây là khoảng chi phí kế toán, chứ không phải chi phí bằng tiền, và nằm ở khoảng 34% doanh thu. Chi phí khấu hao được khấu trừ thuế. Thuế TNDN giảm. Khoản khấu hao sẽ được dùng để trả phần nợ gốc và vì vậy sẽ giúp làm giảm chi phí lãi vay của năm tiếp theo.
- Chi phí lãi vay: được tính theo lãi vay trừ đi khoản doanh thu từ hoạt động tài chính (như lãi tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện). Theo bảng phân tích bên trên, thì lãi vay năm 2008 tăng đột biến. Lý do: vì để kiềm hãm lạm phát, Chính phủ đã thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ và đã khiến lãi suất tăng cao đến 18% trong năm



2008. Năm 2009, chi phí lãi vay ổn định. Năm 2010, lại tăng cao vì lãi vay của khoản vốn vay đã đầu tư vào nhà máy thủy điện Krông H'Năng. Từ năm 2011 trở về sau, chi phí lãi vay sẽ giảm đều đặn vì chính sách trả nợ gốc của Công ty.

Sau khi loại trừ các chi phí, thì lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (trước thuế) nằm ở khoảng 27% doanh thu, ngoại trừ năm 2008 (vì lý do chi phí lãi vay đã giải thích bên trên) và năm 2010 (vì đây là năm đầu tiên nhà máy thủy điện Krông H'Năng đi vào hoạt động và giả định sản lượng chỉ đạt được 75% công suất trung bình của nhà máy).

4.8.3 Trình độ công nghệ

Các nhà máy thủy điện ở nước ta có mức độ tự động hóa, trình độ thiết bị, công nghệ khác nhau. Có nhà máy đã tự động hóa cao như Vĩnh Sơn, cũng có nhà máy sử dụng hệ thống điều khiển kích từ thuộc loại hiện đại nhất của thế giới như Hòa Bình. Bên cạnh đó, nhiều nhà máy vẫn đang sử dụng các máy móc thiết bị của những năm 60.

Hệ thống máy móc thiết bị - công nghệ mà Công ty đang sử dụng được cung cấp bởi Dongfang Electric Corporation (DEC). DEC, thành lập năm 1984, là công ty lớn hàng đầu tại Trung Quốc trong lĩnh vực thiết kế và chế tạo thiết bị thủy điện. Hiện tại, DEC chiếm 40% thị phần thủy điện Trung Quốc và máy móc thiết bị của DEC được xuất khẩu đi trên 20 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Nhìn chung so với các công nghệ cùng loại hiện hành, các máy móc thiết bị của Công ty đều đáp ứng tốt các tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật và tương đương với các công nghệ cùng loại có suất xử từ các nước khác trên thế giới. Các tính năng ưu việt của hệ thống phần mềm tự động hóa điều khiển nhà máy là đơn giản, dễ dàng cho thao tác và vận hành ở độ an toàn rất cao. Hệ thống điều khiển có khả năng tự kiểm tra các khu vực và báo động khi xuất hiện lỗi của bất cứ bộ phận nào trong hệ thống. Điều này cho phép người sử dụng biết trước các sự cố có thể hoặc sắp xảy ra để có phương án chuẩn bị, giảm thiểu thời gian sửa chữa, bảo hành. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của nhà máy có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm đã làm chủ được hoàn toàn công nghệ nên nhà máy luôn được vận hành an toàn, đạt hiệu quả sản xuất cao.

Bảng 3: Các thông số kỹ thuật và các trang thiết bị chủ yếu

STT	Tên thiết bị/chỉ tiêu	Nhà máy thủy điện Khe Diên	Nhà máy thủy điện Krông H'Năng
1	Tua bin (turbines): Kiểu tâm trục, trục đứng, ký hiệu	HL110 - WJ-90	
	Số lượng	2 cái	2 cái
	Cột áp lực lớn nhất	166,7 m	120,6 m
	Cột áp tính toán	158,44 m	108,1 m
	Cột áp thấp nhất	154,2 m	101,6 m
	Công suất lắp máy	2 x 4,5MW	2 x 32MW
	Đường kính bánh xe công tác	900mm	1980mm
	Trị số vòng quay	750 vòng/phút	375 vòng/phút
	Chiều cao xâm thực cho phép	3,20m	1,27m
	Nhà cung cấp	DEC (China)	DEC (China)
2	Máy phát điện: Kiểu trục đứng, ký hiệu	SFW 4500-8	SF32.3-16/4500
	Số lượng	2 cái	2 cái
	Công suất	4.500KW	32.000KW
	Điện áp	6,3kv	10,5kv
	Trị số vòng quay	750 vòng/phút	375 vòng/phút
	Tần số	50hz	50hz
	Hệ số Cos φ	0,8	0,85
	Nhà cung cấp	DEC (China)	DEC (China)
3	Máy điều tốc: ký hiệu	DT-1800	SAFR-2000H



	Số lượng	2 cái	2 cái
4	Máy biến áp: loại máy biến áp ngâm dầu, làm mát bằng dầu tuần hoàn tự nhiên		
	Số lượng	02	02
	Công suất	5.600KVA	40MVA
	Điện áp	6,3/38,5KV	10,5/115KV

4.9 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Bên cạnh hoạt động chính là đầu tư dự án thủy điện và khai thác vận hành kinh doanh các nhà máy thủy điện, Công ty có định hướng cho nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới như dịch vụ quản lý dự án thuê, dịch vụ đào tạo công nhân kỹ thuật quản lý vận hành nhà máy thủy điện, và một số sản phẩm dịch vụ khác theo nhu cầu xã hội nhằm khai thác tốt các tiềm năng vật chất và nhân sự của Công ty.

4.10 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Đối với sản phẩm là điện thương phẩm, công tác quản lý chất lượng của Công ty tập trung vào đảm bảo chất lượng điện cung cấp thông qua việc duy trì việc đáp ứng các thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn chung của ngành điện về: tần số, điện áp, mức độ ổn định lưới điện.... Nhằm đảm bảo cho máy móc, thiết bị, các công trình phụ trợ, đề đập, hồ chứa luôn trong điều kiện vận hành tốt, đảm bảo sự liên tục và ổn định trong việc cung cấp điện cho lưới điện quốc gia, đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, Công ty đã triển khai một loạt các giải pháp sau:

- Công tác vận hành: thường xuyên củng cố, chấn chỉnh công tác vận hành trên các mặt: Trực ca, kiểm tra thiết bị vận hành, thao tác xử lý sự cố thiết bị, thực hiện các quy trình liên quan đến công tác vận hành; ghi chép nhật ký vận hành, công tác báo cáo, công tác vệ sinh công nghiệp hàng ngày, định kỳ.
- Xây dựng và triển khai thực hiện chế độ bảo dưỡng sửa chữa theo đúng định kỳ. Quy định sửa chữa thường xuyên phải thực hiện theo quy trình ISO.
- Thành lập tiểu ban Bảo hộ lao động Nhà máy. Triển khai thực hiện công tác chấm điểm 04 nội dung, 20 thông số theo Thông tư 14.
- Thành lập mạng lưới ATVSV. Ban hành quy chế hoạt động mạng lưới ATVSV.
- Mời Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường tỉnh Quảng Nam đo đạc và cho kết quả số liệu môi trường nhà máy.
- Lập phương án Phòng cháy chữa cháy tại nhà máy.
- Lập phương án Phòng chống bão lụt hàng năm, chuẩn bị các điều kiện để triển khai thực hiện phương án khi có lũ xảy ra.
- Bổ sung các bảng tóm tắt quy trình thiết bị chính, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
- Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, kiểm tra định kỳ hiện trường sản xuất.
- Triển khai trồng cây xanh, trồng hoa tại các bồn hoa đã xây dựng tạo cảnh quang môi trường xanh, sạch, đẹp.
- Thực hiện tốt công tác thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ.
- Lập kế hoạch chuẩn bị đầy đủ các loại vật tư, thiết bị dự phòng để có thể kịp thời thay thế, khắc phục nhanh chóng nếu xảy ra các sự cố.
- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo tay nghề, nâng cao trình độ vận hành cho công nhân. Phổ biến và hướng dẫn kịp thời các quy định về Bảo hộ lao động và An toàn lao động tới từng cán bộ công nhân viên của Công ty, qua đó nâng cao ý thức cho người lao động, phòng tránh các nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

Đối với công tác quản lý chung, toàn Công ty áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Về nhân sự tổ chức, Công ty thành lập Ban ISO để tổ chức hoạt động của bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty. Thành viên Ban ISO bao gồm các trưởng đơn vị. Nhiệm vụ của Ban ISO:

- Xem xét đánh giá hệ thống quản lý chất lượng hiện có,



- Lập kế hoạch chi tiết cho dự án và theo dõi tiến độ thực hiện dự án,
- Theo dõi, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch,
- Phối hợp hoạt động giữa các đơn vị; Đôn đốc, kiểm tra tình hình áp dụng, tuân thủ Hệ thống tại các đơn vị.

Công ty đã được Trung tâm chứng nhận QUACERT cấp chứng nhận hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn chất lượng theo ISO 9001:2008.



4.11 Hoạt động Marketing

Hiện nay ngành điện là ngành kinh doanh độc quyền: chỉ có EVN là người mua điện duy nhất và cũng là người bán điện duy nhất đến người tiêu dùng. Sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm, nên hoạt động marketing của Công ty tập trung vào việc quản lý kỳ vọng của cổ đông, nhà đầu tư, các nhà cung cấp thiết bị và dịch vụ xây dựng công trình.

Phương châm của Công ty trong hoạt động marketing là uy tín và hỗ trợ lẫn nhau tìm giải pháp để cùng tháo gỡ khó khăn trong kinh doanh. Công ty cũng chú trọng nâng cao hình ảnh thương hiệu Công ty thông qua các kênh thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh và truyền hình địa phương khi tổ chức các sự kiện quan trọng của Công ty bên cạnh việc trú trọng xây dựng và duy trì cập nhật website của Công ty.

4.12 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký bản quyền thương hiệu và logo.



4.13 Các dự án lớn đang thực hiện

Ngoài hai công trình thủy điện Khe Diên và Krông H'Năng đã nêu trên, Công ty còn là chủ đầu tư của công trình thủy điện Sông Tranh 1 và Krông H'Năng 2.

a) Công trình thủy điện Sông Tranh (20MW)

MÔ HÌNH NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SÔNG TRANH 1



hình 4: Mô hình nhà máy thủy điện Sông Tranh 1

- Công trình thủy điện Sông Tranh nằm trên dòng sông Tranh, thuộc huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.
- Đã hoàn tất các thủ tục pháp lý, nghiên cứu tính khả thi và khảo sát địa hình địa chất. Đã phê duyệt dự án đầu tư.
- Dự kiến khởi công xây dựng vào giữa năm 2010. Nếu hoàn tất, sẽ cung cấp sản lượng điện 80 triệu kWh/năm và sẽ tạo doanh thu hơn 57,6 tỷ đồng/năm.

b) Công trình thủy điện Krông H'Năng 2 (15MW)



hình 5: Krông H'Năng 2, 7 km hạ du Krông H'Năng 1

- Công trình thủy điện Krông H'Năng 2 nằm cách Krông H'Năng 1 khoảng 7km về hướng hạ du.
- Đã hoàn tất các thủ tục pháp lý, đang khảo sát địa hình, địa chất.
- Dự kiến sẽ khởi công xây dựng vào giữa năm 2011. Nếu hoàn tất, sẽ cung cấp sản lượng điện 60 triệu kWh/năm và sẽ tạo doanh thu hơn 43 tỷ đồng/năm.

Ngoài ra, Công ty còn có hai hợp đồng cung cấp dịch vụ cho các đối tác sau:

- Hợp đồng quản lý dự án thủy điện Suối Tơm, ngày 02/01/2008, trị giá 1 tỷ đồng, ký với đối tác là Công ty Cổ phần F.C.L. Thời gian kết thúc hợp đồng chưa được xác định vì lý do tùy thuộc vào thời gian UBND Tỉnh Quảng Nam cấp phép đầu tư cho dự án này. Tăng suất thanh toán là hàng tháng, khi Công ty cùng với các đơn vị thi công công trình có liên quan tính toán và xác nhận khối lượng thực hiện.
- Hợp đồng quản lý giám sát dự án thủy điện Thác Trời, ngày 20/10/2008, trị giá 7 tỷ đồng, ký với đối tác là Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển điện Cao Nguyên. Thời gian kết thúc hợp đồng chưa được xác định vì lý do tùy thuộc vào tiến độ và thời gian thực hiện dự án. Tăng suất thanh toán là hàng quý, khi Công ty cùng với các đơn vị thi công công trình có liên quan tính toán và xác nhận khối lượng thực hiện.

4.14 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Sau đây là tóm lược về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty kể từ ngày 01/08/2007 khởi đầu cho năm tài chính đầu tiên dưới hình thức công ty cổ phần.

- Các số liệu năm 2007, 2008 và 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC (thành viên quốc tế của Polaris International).
- Các số liệu trọn năm 2010 đến 2012 là ước tính của Tổ chức Tư vấn (Công ty Chứng khoán Gia Quyền - EPS).

**Bảng 4: Báo cáo tóm tắt kết quả/ước tính hoạt động kinh doanh**

(Đơn vị: triệu đồng)

Công ty Cổ phần Sông Ba	2007 (A) (5 thg)	2008 (A)	2009 (A)	2010 (E)	2011 (E)	2012 (E)
Tổng giá trị tài sản (tại ngày 31/12/20xx)	418.871	747.944	1.318.061	1.848.072	1.730.994	1.671.885
Tổng doanh thu	12.998	25.358	27.036	154.880	190.214	194.019
Tổng chi phí	10.257	24.268	23.322	146.054	148.892	140.311
Lợi nhuận từ HĐKD	2.741	1.090	3.714	8.826	41.232	53.708
Lợi nhuận khác	110	869	203	2.175	2.417	2.811
Lợi nhuận trước thuế	2.850	1.959	3.917	11.001	43.649	56.519
Chi phí thuế TNDN	192	353	0	543	604	702
Lợi nhuận sau thuế	2.658	1.606	3.917	10.458	43.045	55.817

(a) Trong mục “Lợi nhuận khác”, từ thời điểm 2007 – 2009 là khoản lợi nhuận có được từ các hoạt động mời thầu và phân phối điện năng cho các nhà thầu công trình, còn từ thời điểm 2010 - 2012 là khoản hỗ trợ sau đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam dành cho dự án Khe Diên.

(b) Trong mục “Thuế TNDN”, 98% doanh thu của Công ty là từ hoạt động sản xuất thủy điện. Khoản doanh thu này được miễn giảm thuế trong 7 năm đầu hoạt động của nhà máy. Số 2% doanh thu còn lại sẽ chịu thuế TNDN 25%. Kết luận, khoản thuế TNDN (2010 – 2012) là không đáng kể.

4.15 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Thuận lợi:

- Đội ngũ CBCNV trẻ, nhiệt tình trong công việc, trình độ chuyên môn đáp ứng tốt nhu cầu phát triển của Công ty;
- Ban lãnh đạo Công ty điều hành công việc sát sao, kiên quyết nhằm đạt được tiến độ thi công công trình theo kế hoạch đề ra;
- Được sự hỗ trợ nhiệt tình của các cấp chính quyền địa phương nơi đang xây dựng công trình và Công ty Điện lực 3 đã từng bước giúp Công ty ổn định và phát triển;
- Lượng mưa trong năm ổn định giúp Công ty đạt kế hoạch sản lượng đề ra;

b. Khó khăn:

- Trong năm 2008, với chính sách thắt chặt tín dụng của các ngân hàng và chính sách lãi suất cơ bản tăng cao nhằm kiềm chế lạm phát của Ngân hàng Nhà nước đã tác động không nhỏ đến cơ cấu chi phí lãi vay và chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty. Dưới tác động của khủng hoảng tài chính toàn cầu, cũng như sự điều chỉnh sâu, dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, đã làm cho công tác huy động vốn qua thị trường chứng khoán bằng phát hành cổ phiếu của Công ty gặp khó khăn, không đảm bảo kế hoạch huy động vốn từ các cổ đông hiện hữu đã đề ra, điều này đã ảnh hưởng phần nào đến nguồn vốn, đây là tình trạng khó khăn chung của các doanh nghiệp trong năm 2008. Tuy nhiên, Công ty đã vượt qua khó khăn này để thực hiện tốt tiến độ đề ra cho công trình thủy điện Krông H'Năng.
- Hiện nay, xu hướng lãi suất cho vay đã giảm đáng kể và có chiều hướng ổn định, điều này sẽ là cơ sở để Công ty hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2010.

4.16 Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Hiện tại, Công ty Cổ phần Sông Ba mới có Nhà máy Thủy điện Khe Diên đang vận hành khai thác với tổng công suất lắp đặt 9MW và sản lượng điện trung bình hàng năm vào khoảng 45 triệu kWh/năm. Với sản lượng này, Công ty chiếm một thị phần rất nhỏ trong hệ thống sản xuất điện quốc gia. Nhưng khi Nhà máy Thủy điện Krông H'Năng đi vào hoạt



động (dự kiến phát điện tổ máy số 1 vào quý I/2010 và tổ máy số 2 vào quý II/2010) với công suất lắp đặt 64MW, và sản lượng điện trung bình vào khoảng 247,4 triệu kWh/năm thì tổng sản lượng điện từ hai nhà máy có thể đạt tới 292,4 triệu kWh/năm.

Bảng 5: So sánh với các doanh nghiệp thủy điện đã niêm yết

	Tên Công ty thủy điện (mã chứng khoán)	Thác Mơ (TMP)	VS – SH (VSH)	Thác Bà (TBC)	Cần Đơn (SJD)	Sông Ba (SBA)
(A)	Công suất thiết kế (MW)	150	136	120	77,6	73
(B)	Sản lượng điện trung bình năm (kWh/năm)	760 triệu	598 triệu	400 triệu	360 triệu	292 triệu
(C)	Doanh thu trung bình (triệu đồng/năm)	343.000	483.000	244.000	240.000	194.019
	Giá cổ phiếu, ngày 31/12/2009 (đ/cp)	16.500	17.000	19.500	19.500	N/A
Phân tích:						
	Số giờ vận hành trung bình năm - (B)÷(A)	5.066 giờ/năm	4.397 giờ/năm	3.333 giờ/năm	4.639 giờ/năm	4.000 giờ/năm
	Giá bán điện trung bình – (C)÷(B)	451 đ/kWh	807 đ/kWh	610 đ/kWh	666 đ/kWh	638 đ/kWh

Nhân tố quan trọng hàng đầu ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các công ty thủy điện là lượng mưa trong năm. Lượng nước càng lớn thì số giờ vận hành càng cao. Công ty Cổ phần Sông Ba có số giờ vận hành ước tính trung bình là 4.000 giờ/năm, và giá bán điện trung bình là 638 đồng/kWh. Kết luận, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Ba có kỳ vọng nằm trong khoảng trung bình của các công ty thủy điện: Thác Mơ, Vĩnh Sơn-Sông Hình, Thác Bà và Cần Đơn.

Dựa trên những dự báo về tiềm năng phát triển của nền kinh tế nói chung và ngành thủy điện nói riêng trong những năm sắp tới, Công ty đã xác định được vị thế của mình thông qua phân tích “SWOT” về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của mình như sau:

Phân tích SWOT:

Điểm mạnh

- Công ty có mục tiêu kinh doanh cụ thể và rõ ràng. Tập thể cán bộ CNV đoàn kết, cùng chung chí hướng.
- Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc có trình độ chuyên môn, giàu kinh nghiệm, tâm huyết, đam mê nghề nghiệp, có tầm nhìn xa, quan hệ rộng để nắm bắt cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp.
- Tập hợp được đội ngũ cán bộ kỹ sư trình độ cao, yêu nghề, có tính cần kiệm.
- Công ty có mối quan hệ tốt trong ngành điện, đặc biệt với PC3, thuận lợi trong thỏa thuận đấu nối và điều độ sản xuất điện.
- Cổ đông sáng lập lớn là Công ty Điện lực III (nắm giữ 22,00%) có khả năng hỗ trợ Công ty trong quản lý, kỹ thuật và tiêu thụ điện.
- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu đãi đầu tư của địa phương. Lãi suất cố định 6,9% năm cho công trình thủy điện Krông H' năng và được hỗ trợ lãi suất 3,9% năm cho nhà máy Khe Diên.
- Quan hệ giữa Công ty (chủ đầu tư) với các nhà thầu tốt, công ty đồng hành cùng nhà thầu

Điểm yếu

- Doanh nghiệp, trong giai đoạn đầu phát triển tiềm lực tài chính còn khiêm tốn so với nhu cầu đầu tư rất lớn.
- Suất đầu tư cho thủy điện cao, cần vốn đầu tư ban đầu lớn.
- Thời gian chuẩn bị đầu tư và triển khai dự án dài, vốn đầu tư thường chưa phát huy ngay hiệu quả.
- Sử dụng thiết bị công nghệ phát điện của Trung Quốc tuy giá thành rẻ nhưng trong lắp đặt và quản lý vận hành khó khăn hơn các thiết bị công nghệ chuẩn mực của Châu Âu, trong hoạt động tính ổn định thấp hơn các thiết bị công nghệ chuẩn mực của Châu Âu.
- Đội ngũ quản lý vận hành nhà máy còn tương đối mới mẻ chưa thể chủ động hoàn toàn trong xử lý các tình huống kỹ thuật vận hành và bảo trì.



để tháo gỡ những khó khăn nhằm thúc đẩy nhanh hơn tiến độ thi công.

Cơ hội

- Nhu cầu điện năng cho sản xuất và tiêu dùng của đất nước ngày một gia tăng, cung chưa đảm bảo cầu. Ngành sản xuất điện nói chung và thủy điện nói riêng là ngành đang được Chính phủ cũng như địa phương khuyến khích đầu tư phát triển sẽ mở ra những cơ hội kinh doanh mới cho Công ty.
- Số lượng dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện được cấp phép ngày càng nhiều, là cơ hội tốt cho Công ty sử dụng đội ngũ kỹ sư của mình phát triển dịch vụ quản lý dự án thuê và đào tạo cán bộ kỹ thuật vận hành nhà máy thủy điện.

Thách thức

- Trong điều kiện vốn cho đầu tư dự án lệ thuộc phần lớn vào các nguồn vay tín dụng (chiếm 65%), nếu nhà nước thực thi chính sách thắt chặt tín dụng thì việc đảm bảo vốn cho triển khai dự án là một thách thức không nhỏ.
- Tiến độ thi công dự án phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và năng lực của các nhà thầu.
- Công ty đang ở giai đoạn xây dựng, tích lũy và phát triển, trong bối cảnh thị trường lao động chất lượng cao có tính biến động, vấn đề thực thi chính sách thu nhập phù hợp để giữ chân người lao động cũng là một thách thức.
- Với sự gia tăng số lượng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ trong vùng có dự án của Công ty, tất yếu gia tăng tính cạnh tranh trong tương lai khi thị trường phát điện cạnh tranh được thực thi.

4.17 Triển vọng phát triển của ngành

Sản xuất, truyền tải, phân phối và kinh doanh điện là một ngành chủ đạo trong nền kinh tế của bất cứ quốc gia nào. Quá trình phát triển của nền kinh tế Việt Nam luôn gắn với và đặt ra yêu cầu đối với việc phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng của ngành điện. Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ, hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng xã hội ngày càng gia tăng. Do đó, nhu cầu đối với điện năng phục vụ cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt cũng ngày càng tăng. Theo tính toán của EVN, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế quốc gia, với mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp, thì nhu cầu điện sẽ phải tăng 15-17% mỗi năm.

Hiện nay, sản lượng điện sản xuất tại Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ điện của cả nước và tốc độ phát triển của nền kinh tế. Chính vì vậy, ngành điện nói chung và phân đoạn sản xuất điện nói riêng của Việt Nam còn nhiều tiềm năng cho đầu tư và phát triển. Đây là điều kiện thuận lợi cơ bản cho sự phát triển ngành điện nói chung và các nhà máy thủy điện nói riêng.

Theo chủ trương của Nhà nước, thị trường điện Việt Nam sẽ được phát triển theo ba giai đoạn:

- Thị trường phát điện cạnh tranh (2006-2008): xóa bỏ độc quyền trong đầu tư phát triển nguồn điện.
- Thị trường bán buôn cạnh tranh (sau 2010): EVN sẽ tổ chức một thị trường điện lực nhiều người bán nhiều người mua với cơ chế hộ gia đình tiêu thụ lớn có thể mua trực tiếp từ các nhà máy điện. Nhưng thực tế cho thấy chủ trương này khó có thể thực hiện được cho đến khoảng sau 2012.
- EVN sẽ tổ chức một thị trường bán lẻ điện cạnh tranh.

Như vậy ngành sản xuất điện còn nhiều tiềm năng phát triển, trong đó có thủy điện với chính sách ưu đãi đầu tư, đa dạng hóa sở hữu và sẽ từng bước được tổ chức theo hướng thị trường bán điện cạnh tranh.



Về giá bán điện, thì giá bán tại các nhà máy phát điện vẫn còn chịu nhiều khống chế của EVN. Nhưng giá bán lẻ lại cho người tiêu dùng thì đã có hướng mở để chuẩn bị một thị trường bán lẻ cạnh tranh. Cụ thể, theo Thông tư 08/2010/TT-BCT ngày 24/02/2010 của Bộ Công Thương quy định về giá bán điện năm 2010 thì giá bán lẻ điện sinh hoạt, bình quân chưa bao gồm thuế VAT, là 1.004 đồng/kWh, và mức tăng giá hàng năm chỉ được phép dưới 10% để tránh gây sốc cho người tiêu dùng.

Tóm lại, các nhận định trên cho thấy đầu tư vào các dự án điện là một hướng rất tiềm năng.

4.18 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung của thế giới

Từ phân tích về triển vọng phát triển của ngành điện như ở trên đây, có thể thấy định hướng của Công ty trong những năm tới tiếp tục phát triển hoạt động đầu tư, khai thác kinh doanh sản xuất thủy điện và cung cấp dịch vụ quản lý dự án thuê, . . . là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành điện, cũng như chủ trương công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước của Chính phủ.

4.19 Chính sách đối với người lao động

4.19.1 Tổng số lao động của Công ty (tính đến ngày 31/12/2009)

STT	Chỉ tiêu	Số lượng
1	Lao động phân loại theo trình độ	
	- Cán bộ có trình độ trên đại học	2
	- Cán bộ có trình độ đại học	69
	- Cán bộ có trình độ trung cấp, cao đẳng	39
	- Lao động phổ thông/lao động khác	4
2	Lao động phân theo loại hợp đồng lao động	
	- Lao động theo hợp đồng không thời hạn	59
	- Lao động theo hợp đồng có thời hạn từ 1 đến 3 năm	55
	- Lao động theo HĐ ngắn hạn, mùa vụ (dưới 1 năm)	-
	- Lao động không phải ký kết hợp đồng lao động	-
3	Lao động phân theo giới tính	
	- Nam	111
	- Nữ	03

4.19.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Công ty luôn có cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn. Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ xét nâng lương định kỳ theo quy chế lương cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn bằng cách thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong nước; tạo điều kiện cho các cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các dự án thủy điện đang triển khai, tại Nhà máy Thủy điện Khe Diên của Công ty nhằm tích lũy và nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc (thành lập lớp bồi huấn nhân viên vận hành NMTĐ Khe Diên: ngày 08/03/2007; tổ chức sát hạch công nhận chức danh vận hành chính tại NMTĐ Khe Diên: ngày 31/01/2008; tổ chức thực tập và sát hạch cho nhân viên vận hành mới tuyển dụng vào NMTĐ Khe Diên: ngày 15/12/2009).



Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng và kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

Công tác bảo hộ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong Nhà máy, Công trường xây dựng cũng được Công ty quan tâm đúng mức. Công ty đã ban hành hệ thống các qui định về an toàn lao động, tổ chức huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho công nhân viên; tổ chức kiểm tra định kỳ về an toàn của các thiết bị máy móc, các công trình thủy nông.

Công ty luôn chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên giúp người lao động yên tâm công tác (thăm hỏi động viên người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, tặng quà các ngày lễ tết, đảm bảo an ninh trật tự ...).

4.20 Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo kết quả kinh doanh có lãi và sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước, các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và đề trình ĐHĐCĐ quyết định. Cổ đông sẽ nhận cổ tức theo tỷ lệ cổ phần sở hữu. Thời gian chi trả cổ tức thông thường là 1 lần/năm.

Như mọi công trình thủy điện, việc đầu tư đòi hỏi thời gian và số vốn lớn. Trong thời gian đầu, Công ty không có lợi nhuận đáng kể nên cổ tức năm 2007 (80 đ/cổ phần), năm 2008 (không chia) và năm 2009 (không chia). Nhưng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm tiếp theo (năm 2010 – năm 2012), Công ty dự kiến chi trả cổ tức với mức năm 2010 (200 đ/cổ phần); năm 2011 (1.000 đ/cổ phần); và năm 2012 (1.200 đ/cổ phần).

4.21 Tình hình hoạt động tài chính

4.21.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định (TSCĐ) được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

- Nguyên giá được phản ánh theo giá thực tế tại thời điểm giao dịch.
- Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Bảng 6: Thời gian khấu hao TSCĐ

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 – 35 năm
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm
Tài sản cố định khác	10 – 15 năm
Tài sản cố định vô hình (phần mềm kế toán)	5 năm

Nguồn: Báo cáo tài chính 2007, 2008 và 2009 (đã kiểm toán)



4.21.2 Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty năm 2008: 4.300.000 đồng/người/tháng; năm 2009 là: 4.800.000 đồng/người/tháng. So với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn là trung bình.

4.21.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Nợ vay của Công ty được dùng để đầu tư xây dựng công trình thủy điện Khe Diên và Krông H'Năng. Nhà máy Thủy điện Khe Diên đang được vận hành khai thác. Nguồn doanh thu ổn định giúp Công ty phương tiện thanh toán các khoản nợ đầu tư của nhà máy.

Công ty luôn thanh toán nợ đúng hạn và không có nợ quá hạn, vì thế Công ty có uy tín và thiết lập mối quan hệ tốt với các ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư, phát triển tại địa phương.

4.21.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh việc kê khai và kịp thời nộp các khoản thuế, các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước đang áp dụng cho Công ty theo quy định.

Bảng 7: Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Các khoản thuế phải nộp	2007		2008		2009	
		Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp
1	Thuế VAT	1.540	1.540	2.707	2.707	9.678	9.049
2	Thuế Tài nguyên	425	425	676	676	1.510	1.305
3	Thuế TNDN	192	192	353	353	376	376
Tổng cộng		2.157	2.157	3736	3736	11.564	10.730

Nguồn: Báo cáo tài chính 2007, 2008 và 2009 (đã kiểm toán)

Thuế suất thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 25%, nhưng các khoản doanh thu từ hoạt động sản xuất điện sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi: Công trình thủy điện Khe Diên được miễn thuế trong 3 năm đầu hoạt động và được giảm 50% thuế suất trong 5 năm kế tiếp; còn Công trình thủy điện Krông H'Năng thì được miễn thuế trong 7 năm đầu và được giảm 50% trong 7 năm kế tiếp. Tương đương với bản thuế suất sau đây:

Công ty Cổ phần Sông Ba (SBA)	Thuế suất thu nhập doanh nghiệp (%)		
Công trình thủy điện Khe Diên	0,0% (từ 2007 – 2009)	12,5% (từ 2010 – 2014)	25,0% (từ 2015 trở về sau)
Công trình thủy điện Krông H'Năng	0,0% (từ 2010 – 2016)	12,5% (từ 2017 – 2023)	25,0% (từ 2024 trở về sau)



4.21.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ của Công ty hàng năm được căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, Điều lệ của công ty và do ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty mới chính thức vận hành khai thác kinh doanh Nhà máy Thủy điện Khe Diên vào tháng 5 năm 2007, và bắt đầu phát sinh doanh thu và lợi nhuận từ đó vì thế Công ty trích lập các Quỹ theo kết quả kinh doanh tương ứng.

Bảng 8: Số dư tại các Quỹ của Công ty

(Đơn vị: triệu đồng)

Các quỹ	Thời điểm 31/12/2007	Thời điểm 31/12/2008	Thời điểm 31/12/2009
Quỹ đầu tư phát triển	78	78	162
Quỹ dự phòng tài chính	78	78	162
Quỹ khen thưởng phúc lợi	50	89	76
Tổng cộng	206	245	400

Nguồn: Báo cáo tài chính 2007, 2008 và 2009 (đã kiểm toán)

Trước thời điểm 31/12/2007, Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính dựa theo chính sách trích lập và đóng góp ngay trong năm tài chính liên quan. Sau đó, Công ty thay đổi chính sách và chỉ trích lập và đóng góp vào các Quỹ dựa theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Việc tổ chức ĐHĐCĐ chỉ có thể xảy ra sau năm tài chính kết thúc. Vì vậy số dư trong năm 2007 được kéo sang năm 2008, và phần trích lập Quỹ cho năm 2008 được thực hiện trong năm 2009.

4.21.6 Tình hình công nợ hiện nay

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

(Đơn vị: triệu đồng)

Stt	Chi tiêu	Tại ngày 31/12/2007		Tại ngày 31/12/2008		Tại ngày 31/12/2009	
		Số tiền	Số ngày quá hạn	Số tiền	Số ngày quá hạn	Số tiền	Số ngày quá hạn
I	Nợ ngắn hạn						
1	Vay ngắn hạn	20.000	0	12.144	0	113.659	0
2	Nợ dài hạn đến hạn trả	-	0	-	0	-	0
3	Phải trả người bán	17.265	0	16.175	0	48.747	0
4	Người mua trả tiền trước	-	0	-	0	-	0
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	755	0	1.130	0	838	0
6	Phải trả người lao động	2.396	0	2.794	0	2.673	0
7	Phải trả phải nộp khác	1.231	0	892	0	2.197	0
8	Chi phí phải trả	250	0	3	0	-	0



II	Nợ dài hạn						
	Vay và nợ dài hạn	118.121	0	361.707	0	694.161	0
	Tổng cộng	160.018		394.845		862.275	

Nguồn: Báo cáo tài chính 2007, 2008 và 2009 (đã kiểm toán)

Trong mục phải trả cho người bán, tính tại ngày 31/12/2009, là 48,7 tỷ đồng. Người bán là các nhà thầu cung cấp dịch vụ và thiết bị cho công trình thủy điện Krông H'Năng.

Trong mục vay và nợ dài hạn, tính tại ngày 31/12/2009, là 694,1 tỷ (bao gồm các khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB)). Số vay dài hạn tăng theo thời gian vì đây là khoản vay vốn để xây dựng công trình thủy điện Krông H'Năng.

CÁC KHOẢN PHẢI THU

(Đơn vị: triệu đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2007		Tại ngày 31/12/2008		Tại ngày 31/12/2009	
		Số tiền	Số ngày quá hạn	Số tiền	Số ngày quá hạn	Số tiền	Số ngày quá hạn
I	Phải thu ngắn hạn						
1	Phải thu khách hàng	2.962	0	4.407	0	11.589	0
2	Trả trước cho người bán	54.376	0	124.082	0	52.296	0
3	Thuế GTGT được khấu trừ	3.016	0	10.657	0	6.094	0
4	Các khoản phải thu khác	6.128	0	639	0	29.321	0
II	Phải thu dài hạn	0		0		0	
	Tổng cộng	66.482		139.785		99.300	

Nguồn: Báo cáo tài chính 2007, 2008 và 2009 (đã kiểm toán)

Trong mục phải thu từ khách hàng, tính tại ngày 31/12/2009, là 11,5 tỷ đồng. Và khách hàng là EVN, nên đảm bảo được trả đúng hạn.

Trong mục trả trước cho người bán, tính tại ngày 31/12/2009, là 52,2 tỷ đồng. Phần nhiều là tiền tạm ứng trước cho các nhà thầu của các hợp đồng xây dựng mua máy móc thiết bị cho nhà máy thủy điện Krông H'Năng.

4.21.7 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 9: Các chỉ số tài chính chủ yếu

	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2007	Tại ngày 31/12/2008	Tại ngày 31/12/2009
I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,76	5,96	0,69
	Hệ số thanh toán nhanh	2,75	5,95	0,69
II. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)				
	Hệ số nợ trên tổng tài sản	0,38	0,53	0,65
	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	0,62	1,11	1,89
III. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		(5 tháng 2007)	(12 tháng 2008)	(12 tháng 2009)



Tỷ suất lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	21.1%	4,2%	13,7%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	20,4%	6,3%	14,5%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	1,0%	0,5%	0,9%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,6%	0,2%	0,3%

Nguồn: Báo cáo tài chính 2007, 2008 và 2009 (đã kiểm toán)

Về khả năng thanh toán của Công ty:

- Tại thời điểm 31/12/2009, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều nằm ở quanh mức 0,69. Cho thấy, Công ty cần phải phân đầu cân đối nguồn tài chính để mang các hệ số này trở về 1,00. Tại thời điểm viết báo cáo này, Công ty cho biết đã chuẩn bị kế hoạch thu tiền góp vốn 50 tỷ từ cổ đông sáng lập (Công ty Điện lực 3) vào khoảng tháng 4/2010. Nếu là vậy thì các hệ số này sẽ trở về 1,00.

Về cơ cấu vốn của Công ty:

- Hệ số nợ trên tổng tài sản (TTS) ước tính khoảng 65% TTS cho thấy đòn cân nợ của Công ty đang sử dụng ở mức trung bình thấp so với ngành (65% - 70%TTS)

Về khả năng sinh lời của Công ty:

- Tỷ suất Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần (DTT) năm 2008 thấp vì lãi suất năm 2008 tăng cao đến 20%/năm. Nhưng đến năm 2009, tỷ suất này đã tăng trưởng trở lại 14,5% DTT (so với trung bình ngành ở khoảng 20%/DTT).
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH trong các năm vừa qua thấp. Điều này cũng dễ hiểu là vì Công ty đang ở trong giai đoạn xây dựng công trình thủy điện Krông H'Năng (64MW), chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận. Dự kiến, Krông H'Năng sẽ phát điện vào Q1/2010, và doanh thu và lợi nhuận cũng từ đó sẽ gia tăng.

4.22 Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế Toán Trưởng

4.22.1 Danh sách và sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng Quản trị

Stt	Tên	Ngày sinh	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ/đại diện sở hữu	Chức vụ
1	Thái Văn Thắng	15/01/1954	200022273	5.030.000	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Trọng Bình	15/05/1955	200325239	751.700	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Phạm Phong	22/05/1958	200186849	3.155.200	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc
4	Đình Châu Hiếu Thiện	30/03/1966	200883515	1.992.000	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Tịnh	08/05/1974	201604038	20.000	Thành viên HĐQT

**Chủ tịch HĐQT – Ông Thái Văn Thắng**

1. Số CMND: 200022273; Ngày cấp: 14/08/2008; Nơi cấp: CA Đà Nẵng;
2. Ngày sinh: 15/01/1954; Quê quán: Minh An, Hội An, Quảng Nam;
3. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
4. Địa chỉ thường trú: K75/11 Lê Hồng Phong, Đà Nẵng;
5. Trình độ văn hóa: 12/12
6. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
7. Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc - Công ty Điện lực 3
8. Quá trình công tác:
 - Từ 1982-1987, Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Chuyên viên.
 - Từ 1987-1989, Xí nghiệp Cơ điện – Công ty điện lực 3. Chức vụ: Phó Phụ trách phòng Kế hoạch.
 - Từ 1990-1998, Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Phó Trưởng phòng Đối ngoại.
 - Từ 1998-1999, Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Trợ lý Giám đốc.
 - Từ 1999 đến nay, Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Phó Giám đốc
 - Các thành quả đạt được trong quá trình công tác:
 - ❖ *Huân chương lao động hạng 3 (năm 2002)*
 - ❖ *Chiến sĩ thi đua cấp Bộ Công nghiệp (năm 2006), chiến sĩ thi đua cơ sở 5 năm liền (2004-2008)*
 - ❖ *Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2008)*
9. Số cổ phần nắm giữ: 5.030.000 cổ phần
 - Trong đó: Sở hữu cá nhân: 80.000 cổ phần*
 - Đại diện cho Công ty Điện lực 3: 4.950.000 cổ phần*
10. Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ
Phạm Thị Thu Trang	Vợ	200187600	14/08/2008	CA Đà Nẵng	25.000 cp

11. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
12. Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
13. Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
14. Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có



Phó Chủ tịch HĐQT - Ông Nguyễn Trọng Bình

1. Số CMND: 200325239; Ngày cấp: 14/07/2009; Nơi cấp: CA Đà Nẵng;
2. Ngày sinh: 15/05/1955; Quê quán: Quảng Hòa, Quảng Trạch, Quảng Bình;
3. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
4. Địa chỉ thường trú: 106 Hàm Nghi, Đà Nẵng;
5. Trình độ văn hóa: 12/12
6. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí Chế tạo máy, Cao cấp lý luận chính trị
7. Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)
8. Quá trình công tác:
 - Từ 1975-1977: đi bộ đội. Chức vụ: Chiến sĩ.
 - Từ 1978-1983, Đại học Bách khoa Đà Nẵng. Chức vụ: Sinh viên.
 - Từ 1983-1984, Công ty Xây lắp đường dây và trạm III. Chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật.
 - Từ 1985-1988, Công ty Xây lắp đường dây và trạm III. Chức vụ: Phó phòng, Trưởng phòng vật tư.
 - Từ 1988-1994, Xí nghiệp sản xuất vật liệu và Xây dựng điện Đông Hà. Chức vụ: Phó Giám đốc.
 - Từ 1994-1998, Xí nghiệp sản xuất vật liệu và Xây dựng điện Đông Hà. Chức vụ: Giám đốc.
 - Từ 1998-2002, Công ty Xây lắp điện 3. Chức vụ: Phó Giám đốc.
 - Từ 2002-2005, Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước)-Bộ Công nghiệp. Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.
 - Từ 2005 đến nay, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam (VNECO). Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.
9. Số cổ phần nắm giữ: 751.700 cổ phần
 - Trong đó: Sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần*
 - Đại diện cho VNECO: 651.700 cổ phần*
10. Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
11. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
12. Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
13. Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
14. Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có



Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc - Ông Phạm Phong

1. Số CMND: 200186849; Ngày cấp: 28/01/1994; Nơi cấp: CA QNĐN;
2. Ngày sinh: 22/05/1958; Quê quán: Thừa Thiên – Huế;
3. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
4. Địa chỉ thường trú: 42 Thái Phiên, Đà Nẵng;
5. Trình độ văn hóa: 12/12
6. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện - chuyên ngành Hệ thống điện;
Thạc sỹ, kỹ sư cơ khí - chuyên ngành Chế tạo máy
7. Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Không có
8. Quá trình công tác:
 - Từ 1981 - 1994, Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng. Chức vụ: Kỹ thuật viên.
 - Từ 1994 - 1997, Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng. Chức vụ: Quản đốc, Phân xưởng cơ điện.
 - Từ 1997 - 2001, Điện lực Quảng Nam. Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư.
 - Từ 2001 – 2002, Trung tâm thiết kế điện - Công ty Điện lực 3 Đà Nẵng. Chức vụ: Phó Giám đốc.
 - Từ 2003 đến nay, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc.
 - Các thành quả đạt được trong quá trình công tác:
 - ❖ Tham gia nghiên cứu đề tài cải tiến turbo tăng áp động cơ diesel GM2100 kW cùng thầy giáo Nguyễn Ngọc Diệp tại Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng (năm 1981).
 - ❖ Thiết kế chế tạo giải nhiệt cho động cơ G65 công suất 400 kW tại Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng (năm 1984).
 - ❖ Chế tạo máy cắt tôn 8mm khổ rộng 0,8m cho Hợp tác xã cơ khí Thanh Bình – Đà Nẵng.
 - ❖ Nghiên cứu sửa chữa phục hồi turbo động cơ GM2100 kW bằng các thiết bị sản xuất trong nước (năm 1989) tại Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng.
 - ❖ Cải tạo và lắp đặt cân bằng động MC902 (cân bằng động trục cắt cardan xe ô tô) thành máy MC901 để cân bằng động cụm trục turbo tăng áp động cơ GM2100 tại Quảng Nam Đà Nẵng năm 1989.
 - ❖ Phục hồi bielle động cơ G72 công suất 800kW tại Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng cùng với thầy Lê Viết Giảng (năm 1990).
 - ❖ Cải tiến xylanh động cơ T65 công suất 400kW để thay thế cho động cơ T72 công suất 800kW tại Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng (năm 1990).
 - ❖ Sửa chữa phục hồi 3 điều tốc cho Nhà máy thủy điện An Diêm công suất 1880 kW/máy, không nhập ngoại tại Điện lực Quảng Nam Đà Nẵng (năm 1990).
 - ❖ Thiết kế các trụ điện vượt sông cầu Cầu Lâu (năm 1991).



- ❖ Sử dụng nước làm quay turbine để tiện mài bề mặt ma sát chặn cho máy thủy điện An Điền mà không tháo trục rôto – turbine (năm 1993).
- ❖ Chủ trì đề án thay móng cọc thép cho móng bê tông trụ vượt sông Giao Thủy cao 48 mét (năm 1999).
- ❖ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2008).
- ❖ Quản lý điều hành Công ty CP Sông Ba từ năm 2003, trong đó đã hoàn thành đầu tư CTTĐ Khe Diên công suất 9MW, phát điện vào ngày 28/5/2007.

9. Số cổ phần nắm giữ: 3.155.200 cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân: 185.200 cổ phần

Đại diện cho Công ty Điện lực 3: 2.970.000 cổ phần

10. Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có

11. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

12. Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13. Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có

14. Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Thành viên HĐQT - Ông Đinh Châu Hiếu Thiên

1. Số CMND: 200883515; Ngày cấp: 26/06/2007; Nơi cấp: CA ĐN;
2. Ngày sinh: 30/03/1966; Quê quán: Xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế;
3. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
4. Địa chỉ thường trú: K62/10 Núi Thành, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng;
5. Trình độ văn hóa: 12/12
6. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện;
7. Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Thủy điện - Công ty Điện lực 3
8. Quá trình công tác:
 - Từ 1992 – 1995, Phân xưởng Rô le tự động, Trung tâm thí nghiệm điện – Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Chuyên viên.
 - Từ 1995 – 2/2002, Phòng kế hoạch vật tư, Trung tâm thí nghiệm điện – Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Chuyên viên.
 - Từ 2/2002 – 7/2002, Phòng Kinh doanh – Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Chuyên viên.
 - Từ 7/2002 – 4/2005, Phòng Quản lý thủy điện – Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Phó trưởng phòng.
 - Từ 4/2005 đến nay, Phòng Quản lý thủy điện – Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Trưởng phòng.
 - Các thành quả đạt được trong quá trình công tác:



- ❖ *Bằng khen của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (QĐ 923/QĐ/EVN-VP ngày 02/04/2002) về thành tích trong công tác xây dựng nhà máy thủy điện Yaly.*
- ❖ *Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (QĐ 251/QĐ-BCN ngày 18/01/2007) về các thành tích trong công tác năm 2006.*
- ❖ *Bằng khen của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Đà Nẵng (QĐ 1870/QĐ-UBND ngày 04/03/2008) về các thành tích trong công tác năm 2007.*

9. Số cổ phần nắm giữ: 1.992.000 cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân: 12.000 cổ phần

Đại diện cho Công ty Điện lực 3: 1.980.000 cổ phần

10. Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có

11. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

12. Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13. Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có

14. Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Tinh

1. Số CMND: 201604038; Ngày cấp: 24/04/2007; Nơi cấp: CA Đà Nẵng;
2. Ngày sinh: 08/05/1974; Quê quán: Xã Lộc Điền, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế;
3. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
4. Địa chỉ thường trú: tổ 28, Thạc Gián, quận Thanh Khê, Đà Nẵng;
5. Trình độ văn hóa: 12/12
6. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng thủy lợi thủy điện;
7. Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác:
 - Trưởng Ban Quản lý các dự án đầu tư (VNECO)
 - Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM
8. Quá trình công tác:
 - Từ 1977-2001, Công ty Xây lắp điện 3. Chức vụ: Chuyên viên kỹ thuật.
 - Từ 2001 - 2002, Công ty Xây lắp điện 3. Chức vụ: Phó Phòng Kỹ thuật.
 - Từ 2002 – 2003, Công ty Xây lắp điện 3. Chức vụ: Phó Ban Quản lý dự án đầu tư.
 - Từ 2004-2005, Công ty Xây lắp điện 3. Chức vụ: Trưởng Ban Quản lý dự án đầu tư.
 - Từ 2005 đến nay, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO) – Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Trưởng Ban Quản lý dự án đầu tư.
9. Số cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần
 - Trong đó: Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần*



Đại diện sở hữu: Không có

10. Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
11. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
12. Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
13. Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
14. Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

4.22.2 Danh sách và sơ yếu lý lịch của thành viên Ban Giám Đốc

Stt	Tên	Ngày sinh	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ/đại diện sở hữu	Chức vụ
1	Phạm Phong	22/05/1958	200186849	3.155.200	Tổng Giám đốc
2	Đặng Ngọc Chương	01/01/1962	200533817	88.870	Phó Tổng Giám đốc
3	Vũ Ngọc Bằng	06/12/1960	205398911	35.000	Phó Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc - Ông Phạm Phong

(Xem thông tin chi tiết ở phần thành viên Hội đồng Quản trị trên đây)

Phó Tổng Giám đốc - Ông Đặng Ngọc Chương

1. Số CMND: 200533817; Ngày cấp: 05/12/1995; Nơi cấp: CA QNĐN;
2. Ngày sinh: 01/01/1962; Quê quán: Điện Thọ, Điện Bàn, Quảng Nam;
3. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
4. Địa chỉ thường trú: 20 Đào Duy Anh, Đà Nẵng;
5. Trình độ văn hóa: 12/12
6. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Kỹ sư điện kỹ thuật;
7. Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Không có
8. Quá trình công tác:
 - Từ 1985 - 1992, Công ty xây lắp điện 3. Chức vụ: Kỹ thuật viên.
 - Từ 1992 - 1998, Công ty xây lắp điện 3. Chức vụ: Phó phòng kỹ thuật.
 - Từ 1998 - 2001, Công ty xây lắp điện 3. Chức vụ: Trưởng phòng kỹ thuật.
 - Từ 2001 - 2003, Nhà máy chế tạo kết cấu thép - Công ty xây lắp điện 3. Chức vụ: Giám đốc.
 - Từ 2003 đến nay, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
 - Các thành quả đạt được trong quá trình công tác:



- ❖ Tham gia xây dựng các công trình điện từ 35KV đến 220KV khu vực miền Trung và Tây Nguyên (từ năm 1985 đến năm 1992).
- ❖ Tham gia xây dựng đường dây 500KV mạch 1 Bắc Nam thuộc cung đoạn miền Trung từ Kontum đến Hà Tĩnh. Được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 1994.
- ❖ Cùng chỉ đạo xây dựng đưa vào vận hành Nhà máy thủy điện Khe Diên có công suất 9MW.

9. Số cổ phần nắm giữ: 88.870 cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân: 88.870 cổ phần

Đại diện sở hữu: Không có

10. Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ
Đặng Ngọc Thu Trang	Con	201531756	22/08/2003	CA Đà Nẵng	15.600 cp
Đặng Ngọc Tài	Em	205062593	09/01/1999	CA Quảng Nam	111.819 cp

11. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
12. Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
13. Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
14. Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Phó Tổng Giám đốc - Ông Vũ Ngọc Bàng

1. Số CMND: 205398911; Ngày cấp: 24/12/2005; Nơi cấp: CA Quảng Nam;
2. Ngày sinh: 06/12/1960; Quê quán: Xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;
3. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
4. Địa chỉ thường trú: 04 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tân An, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam;
5. Trình độ văn hóa: 10/10
6. Trình độ chuyên môn: Trung cấp Điện chuyên ngành Nhiệt Điện;
Đại học Kinh tế chuyên ngành Quản lý công nghiệp;
Chứng chỉ Giám đốc quản lý dự án ĐTXD.
7. Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Không có
8. Quá trình công tác:
- Từ 1984 - 1994, Trường điện-Hội An-PC3. Chức vụ: Giáo viên, Phó chủ tịch công đoàn.
 - Từ 1994 - 2004, Trung tâm thiết kế điện – PC3. Chức vụ: chuyên viên kế toán, dự toán, kế hoạch – Phó Chủ tịch công đoàn.
 - Từ 2004 đến tháng 07/2009, Công ty cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Trưởng phòng Tổng hợp – Phó chủ tịch công đoàn.
 - Từ tháng 08/2009 đến nay, Công ty cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Phó Tổng giám đốc – Phó Chủ tịch công đoàn.



- Các thành quả đạt được trong quá trình công tác:
- ❖ Giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của PC3 (1999, 2000).
 - ❖ Giấy khen Công tác đoàn của công đoàn PC3 (2001).
 - ❖ Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm của EVN và Công ty CP Sông Ba (2007).
 - ❖ Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Nam về việc tham gia hoàn thành xuất sắc công tác xây dựng nhà máy thủy điện Khe Diên (2007).
 - ❖ Kỷ niệm chương ngành Điện (EVN), Kỷ niệm chương ngành Công nghiệp (Bộ Công nghiệp), Kỷ niệm chương Công đoàn (Liên đoàn lao động Việt Nam).

9. Số cổ phần nắm giữ: 35.000 cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân: 35.000 cổ phần

Đại diện sở hữu: Không có

10. Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có

11. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

12. Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13. Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có

14. Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

4.22.3 Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

Stt	Tên	Ngày sinh	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ/đại diện sở hữu	Chức vụ
1	Nguyễn Thành Sơn	28/08/1979	201358162	2.700	Trưởng ban
2	Trần Quang Cần	20/10/1968	201540858	0	Thành viên
3	Trần Ngọc Tuấn	03/05/1958	200168989	20.000	Thành viên

Trưởng Ban Kiểm soát - Ông Nguyễn Thành Sơn

1. Số CMND: 201358162; Ngày cấp: 10/08/1999; Nơi cấp: CA Đà Nẵng;
2. Ngày sinh: 28/8/1979; Quê quán: Tịnh Ấn, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi;
3. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
4. Địa chỉ thường trú: 38 Nguyễn Chí Thanh, Đà Nẵng;
5. Trình độ văn hóa: 12/12
6. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế;
7. Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác:



Phó trưởng Phòng Tài chính, Công ty Điện lực 3

Trưởng Ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung

8. Quá trình công tác:
- Từ 2000 đến nay, Công ty Điện lực 3. Chức vụ: Chuyên viên Phòng Tài chính.
 - Từ 2005 đến nay, Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung. Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát.
9. Số cổ phần nắm giữ: 2.700 cổ phần
- Trong đó: Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần*
- Đại diện sở hữu: Không có*
10. Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
11. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
12. Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
13. Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
14. Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Thành viên Ban Kiểm soát - Ông Trần Quang Cần

1. Số CMND: 201540858; Ngày cấp: 09/05/2006; Nơi cấp: CA Đà Nẵng;
2. Ngày sinh: 20/10/1968; Quê quán: Đức Vĩnh, Đức Thọ, Hà Tĩnh;
3. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
4. Địa chỉ thường trú: Tổ 42 phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Đà Nẵng.
5. Trình độ văn hóa: 12/12
6. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế;
7. Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác:
- Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam
- Kế toán trưởng, Công ty CP Du lịch Xh Huế VNECO
8. Quá trình công tác:
- Từ 2000-2005, Công ty Xây lắp điện 3. Chức vụ: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán.
 - Từ 2005-2006, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam. Chức vụ: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán
 - Từ 2006 đến nay, Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam. Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán. Và tại Công ty CP Du lịch Xh Huế VNECO. Chức vụ: Kế toán trưởng.
9. Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*
- Đại diện sở hữu: Không có*



10. Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
11. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
12. Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
13. Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
14. Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Thành viên Ban Kiểm soát - Ông Trần Ngọc Tuấn

1. Số CMND: 200168989; Ngày cấp: 21/06/2005; Nơi cấp: CA Đà Nẵng;
2. Ngày sinh: 03/05/1958; Quê quán: huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị;
3. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
4. Địa chỉ thường trú: 123 Phan Đăng Lưu, Đà Nẵng;
5. Trình độ văn hóa: 12/12
6. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, chuyên ngành Thủy lợi.
7. Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Không có
8. Quá trình công tác:
 - Từ 1979-1990, Công ty Khảo sát thiết kế thủy lợi, thủy điện Quảng Nam Đà Nẵng. Chức vụ: Nhân viên phòng Thiết kế.
 - Từ 1990-2003, Công ty Tư vấn Xây dựng Đà Nẵng. Chức vụ: Trưởng phòng Thiết kế.
 - Từ 2003 đến nay, Công ty Cổ phần Sông Ba. Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật.
9. Số cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần
 - Trong đó: Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần*
 - Đại diện sở hữu: Không có*
10. Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
11. Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
12. Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
13. Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
14. Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có



4.22.4 Tên họ và sơ yếu lý lịch của Kế toán Trưởng:

Stt	Tên	Ngày sinh	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ/đại diện sở hữu	Chức vụ
1	Phạm Thái Hùng	25/09/1979	194160262	0	Kế toán Trưởng

Kế toán trưởng – Ông Phạm Thái Hùng

- Số CMND: 194160262; Ngày cấp: 26/5/2004; Nơi cấp: CA Quảng Bình;
- Ngày sinh: 25/09/1979; Quê quán: Quảng Bình;
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;
- Địa chỉ thường trú: Tổ 39, An Hải Đông, Sơn Trà, Đà Nẵng;
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế;
- Chức vụ hiện tại tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 2003 – 2004, Công ty TNHH Mỹ Anh, Quảng Bình. Chức vụ: Kế toán trưởng
 - Từ 2004 – 2007, Công ty CP Bông vải Miền Trung, Quảng Nam. Chức vụ: Kế toán tổng hợp.
 - Từ 2007 – 2009, Công ty CP Bông vải Miền Trung, Quảng Nam. Chức vụ: Kế toán trưởng.
 - Từ tháng 6/2009 – 12/2009, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Phụ trách phòng Tài chính.
 - Từ tháng 1/2010 đến nay, Công ty CP Sông Ba. Chức vụ: Kế toán trưởng.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - Trong đó: Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: Không có
- Số cổ phần đang nắm giữ của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Các quyền lợi mâu thuẫn đối với Công ty: Không có
- Các hành vi vi phạm pháp luật: Không có

**4.23 Tài sản****4.23.1 Tài sản cố định****Bảng 10: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2009**

(Đơn vị: triệu đồng)

Tài Sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình			
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	141.821	11.908	129.913
Máy móc thiết bị	48.119	8.550	39.596
Phương tiện vận tải truyền dẫn	3.122	1.190	1.932
Thiết bị, dụng cụ quản lý	692	380	312
Tài sản cố định vô hình			
Quyền sử dụng đất	5.175	-	5.175
Phần mềm	130	33	97
Chi phí XDCB dở dang	-		
Chi phí XDCB dở dang	1.015.412		1.015.412

Nguồn: Báo cáo tài chính 2009 (đã kiểm toán)

Theo báo cáo tài chính 2009 (đã kiểm toán) của Công ty, chi phí xây dựng dở dang tính đến ngày 31/12/2009 là 1.015.412 triệu đồng. Trong đó:

- Chi phí xây dựng công trình thủy điện Krông H'Năng: 1.007.494 triệu đồng
- Chi phí xây dựng công trình thủy điện Krông H'Năng 2: 1.162 triệu đồng
- Chi phí xây dựng công trình thủy điện Sông Tranh 1: 4.340 triệu đồng
- Chi phí xây dựng công trình thủy điện Khe Diên: 2.376 triệu đồng
- Văn phòng Công ty – Nhà điều hành: 39 triệu đồng
- Tổng cộng: 1.015.412 triệu đồng**



4.23.2 Đất đai Công ty đang sử dụng

Stt	Văn bản/hợp đồng/ Quyền sử dụng đất	Diện tích	Mục đích sử dụng đất
1	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp bởi UBND Tỉnh Quảng Nam, ngày 21/03/2005	464 ha	- Xây dựng công trình thủy điện Khe Diên. - Vị trí đất: Số AB 306482- Thửa đất số 09; tờ bản đồ số 09; Địa chỉ: xã Quế Ninh; Quế Phước huyện Quế Sơn- tỉnh Quảng Nam.
2	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp bởi UBND Tỉnh Phú Yên, ngày 19/03/2009	16,8 ha	- Xây dựng tuyến năng lượng, nhà máy, đường thi công vận hành, trạm biến áp, kênh xả, đường dây 35 kv, 6 kv cho công trình thủy điện Krông H'Năng. - Vị trí đất: Số AD 122921- Thửa đất số 01; tờ bản đồ số 00; Địa chỉ: Thôn 2/4 xã Ealy- huyện Sông Hinh- tỉnh Phú Yên.
3	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp bởi UBND Tỉnh Đắk Lắk, ngày 09/10/2009	14.480 m ²	- Đất công trình năng lượng cho công trình thủy điện Krông H'Năng. - Vị trí đất: Số AO 189488; Thửa đất số 190; Tờ bản đồ số DC02; Địa chỉ: xã Ea Pil, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.
4	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp bởi UBND Tỉnh Đắk Lắk, ngày 09/10/2009	10.347.174 m ²	- Đất công trình năng lượng cho công trình thủy điện Krông H'Năng. - Vị trí đất: Số AO 189489; Thửa đất số 185, 176, 168, 280, 283; Tờ bản đồ số DC01, DC02, DC03, DC04; Địa chỉ: xã Cư Prao, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.
5	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp bởi UBND Tỉnh Đắk Lắk, ngày 09/10/2009	5.190.000 m ²	- Đất công trình năng lượng cho công trình thủy điện Krông H'Năng. - Vị trí đất: Số AO 189490; Thửa đất số 77, 117, 78, 118; Tờ bản đồ số DC07, DC08; Địa chỉ: xã Ea Sô, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.
6	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp bởi UBND Tỉnh Đắk Lắk, ngày 28/09/2009	4.574 m ²	- Đất CSSX KD cho công trình thủy điện Krông H'Năng. - Vị trí đất: Số AO 189470; Thửa đất số 187; Tờ bản đồ số DC1; Địa chỉ: xã Cư Prao, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.
7	Quyết định 2191/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Yên ngày 26/12/2008	14,5 ha	- Khai thác mỏ đá phục vụ công trình thủy điện Krông H'Năng. - Vị trí đất: thuộc khoảnh 9, 10; tiểu khu 294; xã Ealy, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
8	Quyết định 2925/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đăklăk ngày 07/11/2007	707 ha	- Xây dựng khu tái định cư do bị ảnh hưởng bởi công trình thủy điện Krông H'Năng. - Vị trí đất: tờ bản đồ số DC1, DC2, DC3; xã Cư Prao, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

**4.24 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm 2010-2012****4.24.1 Định hướng chiến lược:**

- Tập trung nguồn lực phát triển các hoạt động kinh doanh cốt lõi, từng bước mở rộng các ngành nghề kinh doanh bổ trợ, định hướng tập trung phát triển các sản phẩm dịch vụ sau:
 - Đầu tư các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng;
 - Quản lý dự án thuê;
 - Đào tạo quản lý vận hành nhà máy thủy điện, sửa chữa thiết bị nhà máy Thủy điện;
 - Hoạt động tư vấn: Thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110 KV, giám sát xây dựng, quản lý dự án các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
 - Khai thác khoáng sản, đá, cát và nạo vét lòng hồ.
- Chú trọng công tác thu hút, đào tạo (kể cả tại chỗ), phát triển đội ngũ kỹ sư, cán bộ kỹ thuật có trình độ, am hiểu lý thuyết, thành thạo chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thực tế và phẩm chất trung thực, gắn bó với Công ty.
- Coi trọng xây dựng uy tín, thương hiệu kinh doanh, chuẩn bị tốt các điều kiện vật chất để nắm bắt phát triển những cơ hội kinh doanh mới phù hợp định hướng công ty.

4.24.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức:**Bảng 11: Dự kiến các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh (2010 – 2012)***(Đơn vị: triệu đồng, %, cổ phiếu)*

Chỉ tiêu	2009(A)	2010(E)	2011(E)	2012(E)
Doanh thu thuần (DTT)	27.036	154.880	190.214	194.019
<i>DTT so với năm liền kề trước</i>	<i>0%</i>	<i>+473%</i>	<i>+23%</i>	<i>+2%</i>
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	3.917	10.458	43.045	55.817
<i>LNST so với năm liền kề trước</i>	<i>+144%</i>	<i>+167%</i>	<i>+311%</i>	<i>+30%</i>
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	14,49%	6,75%	22,63%	28,77%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	0,78%	2,09%	8,61%	11,16%
Tỉ lệ chia cổ tức (% trên mệnh giá)	0,00%	2,00%	8,00%	11,00%
Vốn điều lệ (triệu đồng)	500.000	500.000	500.000	500.000
Tổng khối lượng cổ phiếu lưu hành (cp)	45.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
EPS (đồng/cp)	87	209	860	1.116

*Nguồn: Báo cáo tài chính 2009 (đã kiểm toán) và dự toán 2010 - 2012*Căn cứ để đạt chỉ tiêu hoạt động kinh doanh nói trên:

Về doanh thu:



- Công trình thủy điện Khe Diên (9MW) đã đi vào hoạt động ổn định. Sản xuất khoảng 42 đến 45 triệu kWh điện thương phẩm và tạo ra khoảng 27 tỷ đồng doanh thu hàng năm.
- Công trình thủy điện Krông H'Năng (64MW) đã hoàn tất 85%. Hiện đang tích nước cho việc sản xuất điện vào khoảng Q1/2010. Dự kiến sẽ chạy tổ máy số 1 vào giữa Q1/2010 và tổ máy số 2 vào Q2/2010. Năm đầu 2010, dự kiến sản xuất khoảng 198 triệu kWh và khi đi vào ổn định (từ 2011 trở về sau) thì sẽ sản xuất khoảng 247,4 triệu kWh và tạo ra khoảng 164 tỷ đồng doanh thu mỗi năm.
- Doanh thu được ước tính một cách cẩn trọng và bảo thủ.

Về lợi nhuận:

- Công ty tăng cường công tác kiểm tra, hạch toán kịp thời và chính xác làm cơ sở cho việc kiểm tra quản lý các chi phí. Cân đối nguồn tiền phục vụ cho hoạt động sản xuất, đảm bảo kế hoạch vay và trả nợ đúng hạn. Từ đó, tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, tăng lợi nhuận và tăng cổ tức cho cổ đông.

4.25 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ nhà tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền (EPS) đã tiến hành thu thập thông tin, khảo sát công trình thủy điện Khe Diên và Krông H'Năng, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Ba cũng như các dòng vốn cần thiết để hoàn tất công trình. Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền nhận thấy nếu như không có những biến động bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến Công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đề ra là thực hiện được.

Ngoài ra, do sự thiếu hụt điện năng cùng với chính sách xây dựng một thị trường điện cạnh tranh, nhà đầu tư có quyền kỳ vọng vào sự thay đổi về giá bán điện theo chiều hướng có lợi cho các doanh nghiệp phát điện. Xét về tổng thể, nhà đầu tư có thể kỳ vọng vào tương lai của các cổ phiếu ngành điện trong trung và dài hạn.

Các nhận xét trên đây được Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền (EPS) đưa ra dưới góc độ là nhà tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về triển vọng của nền kinh tế, của ngành điện và của Công ty Cổ phần Sông Ba. Các nhận xét này có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư, không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán. Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Quyền (EPS) không sở hữu bất kỳ cổ phần nào của Công ty Cổ phần Sông Ba.

4.26 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

Không có.

4.27 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:

Không có.



V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

5.1 Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

5.2 Mệnh giá: 10.000đồng/cổ phiếu

5.3 Tổng số cổ phiếu niêm yết: 45.000.000 cổ phiếu

5.4 Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:

▪ **Hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu đối với cổ đông sáng lập:**

- Cổ đông sáng lập: Công ty Điện lực 3 (PC3)
- Cổ phiếu của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng là: 9.900.000 cổ phiếu.
- Công ty đăng ký hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 04/07/2007. Theo như quy định tại Điều lệ Công ty: *“Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày được thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần được quyền chào bán. Các cổ đông sáng lập này được quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho các cổ đông sáng lập khác, trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập thì việc chuyển nhượng này cần phải có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Sau thời hạn ba năm nêu trên, các hạn chế về chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập được bãi bỏ”*.

▪ **Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông đặc biệt:**

- Cổ đông đặc biệt là: thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, và Kế toán trưởng.
- Cổ phiếu của cổ đông đặc biệt bị hạn chế chuyển nhượng bao gồm cổ phiếu của cá nhân và cổ phiếu mà các cá nhân này đại diện nắm giữ. Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong mục này là: 11.095.470 cổ phiếu (trong đó, 543.770 cổ phiếu của cá nhân + 651.700 cổ phiếu của VNECO do Phó Chủ tịch HĐQT đại diện nắm giữ + 9.900.000 cổ phiếu (nói trên) của PC3 do ba thành viên khác trong HĐQT đại diện nắm giữ).
- Quy định về hạn chế chuyển nhượng theo điểm đ, khoản 1 Điều 8 - Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán: *“Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”*.

**5.5 Phương pháp tính giá:****Các giả định:**

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu qua các năm phụ thuộc khá lớn vào sản lượng điện và giá bán cho EVN.
- Giả sử, lượng điện sản xuất tại Khe Diên (45 triệu kWh/năm) và Krông H'Năng (247,4 triệu kWh/năm) và không thay đổi.
- Hiện tại, giá bán điện trung bình từ công trình thủy điện Khe Diên là 608 đồng/kWh và giá bán tại công trình thủy điện Krông H'Năng là 638 đồng/kWh. Giả sử, trong tương lai thị trường điện cạnh tranh sẽ nâng giá bán điện trung bình là 2%/năm. Tức là, chúng ta giả định doanh thu sẽ tăng trung bình 2%/năm.

Theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF Method):

(Đơn vị: triệu đồng)

Chỉ tiêu	2009(E)	2010(E)	2011(E)	2012(E)	Dài hạn
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	3.917	10.458	43.045	55.817	Chạy mô hình này suốt quãng đời 40 năm của dự án. Và giá trị còn lại của dự án là không đáng kể
+ Chi phí khấu hao	8.603	62.782	68.115	68.115	
- khoản trả nợ gốc	(12.763)	(11.600)	(113.392)	(113.692)	
- đầu tư tài sản	0	0	0	0	
Dòng tiền tạo ra cho chủ sở hữu	(242)	65.471	2.726	15.305	
Lãi suất chiết khấu (WACC): 12%/năm					
Hiện giá dòng tiền	(242)	58.456	2.713	10.894	650.426
Tổng giá trị Công ty (triệu đồng)	721.708				
Tổng số cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	45.000.000				
Giá trị của mỗi cổ phiếu (đồng/cp)	16.038				

Phân tích độ nhạy

Trong các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến giá cổ phiếu, lãi suất tín dụng (ảnh hưởng đến chi phí vốn) và điều kiện thiên nhiên như lượng mưa (ảnh hưởng đến sản lượng điện) là hai nhân tố quan trọng hàng đầu. Bảng phân tích sau đây sẽ giúp nhà đầu tư thấy được sự thay đổi của giá cổ phiếu khi có sự thay đổi đối với hai nhân tố này.



Phân tích độ nhạy		Thay đổi của chi phí vốn bình quân gia quyền (WACC)		
Giá trị cổ phiếu: 16.038đ/cp		11%	12%	13%
Thay đổi tổng sản lượng điện có thể sản xuất hàng năm	90%	14,606	12,584	10,916
	95%	16,494	14,311	12,506
	100%	18,382	16,038	14,095
	105%	20,270	17,765	15,684
	110%	22,158	19,492	17,274

Nhận xét:

- Nếu lãi suất tín dụng tăng, thì giá cổ phiếu giảm, và ngược lại.
- Nếu lượng mưa nhiều thì Công ty có thể tăng sản lượng điện sản xuất và do đó doanh thu và lợi nhuận tăng. Giá cổ phiếu cũng tăng.

Vì vậy, theo phương pháp chiết khấu dòng tiền, thì giá trị trung bình của mỗi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sông Ba là **16.038đ/cp** và có thể dao động trong khoảng giá 10.916đ/cp đến 22.158đ/cp. Do đó, mức giá tham khảo là **16.038** đồng/cổ phiếu.

Theo phương pháp so sánh (Multiplier Method):

So sánh với các công ty cùng ngành trong nước.

Chỉ tiêu	Thời điểm	ĐV T	Vĩnh Sơn Sông Hình (VSH)	Thác Bà (TBC)	Thác Mơ (TMP)	Cần Đơn (SJD)
Vốn điều lệ	31/12/2009	Tr.đ	2.062.412	635.000	700.000	298.996
Vốn chủ sở hữu	31/12/2009	Tr.đ	2.213.831	783.639	849.731	455.420
Tổng tài sản	31/12/2009	Tr.đ	2.524.047	863.720	1.488.981	1.065.034
Doanh thu thuần	2009	Tr.đ	465.833	208.994	442.039	281.376
LNST	2009	Tr.đ	323.740	129.731	172.289	111.620
ROA	2009	%	12,8%	15,0%	11,6%	10,5%
ROE	2009	%	14,6%	16,6%	20,3%	24,5%
ROS	2009	%	69,5%	62,1%	39,0%	39,7%
EPS	2009	đ/cp	1.570	2.043	2.461	3.733
Tổng khối lượng cổ phiếu lưu hành	31/12/2009	cp	206.241.200	63.500.000	70.000.000	29.899.600
Giá cổ phiếu	31/12/2009	đ/cp	17.000	19.500	16.500	19.500
Vốn hóa thị trường	31/12/2009	Tr.đ	3.506.100	1.238.250	1.155.000	583.042
Giá trị sổ sách	31/12/2009	đ/cp	10.734	12.341	12.139	15.232
P/E	31/12/2009	lần	10,8	9,5	6,7	5,2



P/B	31/12/2009	xlần	1,6	1,6	1,4	1,3
P/E bình quân gia quyền	8,8x					
P/B bình quân gia quyền	1,5x					

Nguồn: Báo cáo tài chính VSH, TBC, TMP & SJD, và thông tin thị trường của Stockbiz.vn

Các công ty ngành điện bên trên đã tiến vào thời kỳ ổn định trong hoạt động sản xuất. Còn Công ty Cổ phần Sông Ba thì trong thời kỳ đột phá từ mục doanh thu đến mục lợi nhuận vì các dự án thủy điện đang chuyển từ giai đoạn đầu tư tiến vào giai đoạn khai thác. Vì vậy, để có thể so sánh một cách tương đồng, chúng ta sẽ lấy ước số EPS (lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phiếu) của Công ty trong giai đoạn 2011 và 2012 và chiết khấu theo tỷ suất 12%/năm để mang về hiện tại. Sau đó, nhân cho P/E trung bình (8,1) để xác định giá cổ phiếu.

Phương pháp P/E:

Công ty Cổ phần Sông Ba	Năm 2011	Năm 2012
EPS (đồng/cp)	860	1.116
Tỷ suất chiết khấu	12%/năm	
Hiện giá EPS tại thời điểm 31/12/2009 (đồng/cp)	685	794
EPS trung bình (đồng/cp)	740	
P/E trung bình ngành	8,8x	
Giá cổ phiếu (đồng/cp)	6.512	

Phương pháp P/B:

Công ty Cổ phần Sông Ba	Ngày 31/12/2009
Giá trị sổ sách (đ/cp)	10.000
P/B trung bình ngành	1,5
Giá cổ phiếu (đồng/cp)	15.000

Theo phương pháp so sánh (Multiplier Method), thì giá trị cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sông Ba vào khoảng 6.512 đ/cp đến 15.000 đ/cp.

Kết luận:

Tổng hợp các phép tính về giá trị cổ phiếu cho thấy giá trị tham khảo của cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sông Ba là **16.038đ/cp** và có thể dao động trong khoảng:

- 10.916đ/cp đến 22.158đ/cp (theo phương pháp chiết khấu dòng tiền)
- 6.512đ/cp đến 15.000đ/cp (theo phương pháp so sánh)

Vì vậy, tùy theo tình hình thị trường vào thời điểm niêm yết, giá niêm yết dự kiến có thể được chọn trong khoảng giá nêu trên.



5.6 Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Ba không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu của Công ty. Tuy nhiên, khi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sông Ba được niêm yết trên SGDCK Hồ Chí Minh thì tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân theo các quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó *“Tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư trên Sở Giao dịch Chứng khoán được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư của một tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc một quỹ đầu tư chứng khoán”*.

5.7 Các loại thuế có liên quan

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
 - Áp dụng mức thuế suất 25%.
 - Đối với Nhà máy Thủy điện Khe Diên của Công ty đang khai thác kinh doanh thì, theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 24/CN-UB, ngày 29/6/2004 của UBND tỉnh Quảng Nam, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Ngoài ra còn được UBND tỉnh Quảng Nam hỗ trợ miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thêm 5 năm kể từ khi hết thời hạn miễn giảm thuế theo quy định của Chính phủ. Năm đầu tiên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp là năm 2007.
 - Đối với Dự án đầu tư Thủy điện Krông H'Năng của Công ty đang đầu tư thi công thì, theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 1034/CN-UBND, ngày 21/6/2005 của UBND tỉnh Phú Yên, chế độ ưu đãi về thuế suất, về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 152/2004/NĐ-CP ngày 06/8/2004 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều trong Nghị định 164/2003/NĐ-CP.
 - Toàn bộ số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn trong năm 2007 và năm 2008, Công ty hạch toán tăng quỹ đầu tư phát triển.
- Về thuế nhập khẩu: Đối với Dự án đầu tư Thủy điện Krông H'Năng của Công ty đang đầu tư thi công thì, theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 1034/CN-UBND, Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng (nằm trong dây chuyền công nghệ) nhập khẩu để tạo TSCĐ của doanh nghiệp và phương tiện



vận chuyển chuyên dùng đưa, đón công nhân mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất nhưng chưa đáp ứng nhu cầu chất lượng (theo danh mục quy định).

- Về tiền thuê đất:
 - Đối với Nhà máy Thủy điện Khe Diên thì, theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 24/CN-UB, Công ty được miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian hoạt động của dự án.
 - Đối với Dự án đầu tư Thủy điện Krông H'Năng của Công ty đang đầu tư thi công thì, theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 1034/CN-UBND, Công ty được miễn nộp tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án đối với diện tích đất dự án thuộc huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên và huyện M'Đrăc, tỉnh Đắk Lắk; được miễn nộp tiền thuê đất 13 năm đối với diện tích đất dự án thuộc huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.
- Các loại thuế khác như: Thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, thì Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành tại Việt Nam.
- Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

- **Tổ chức niêm yết:**

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG BA (SBA)

Địa chỉ : 230 Nguyễn Tri Phương - Quận Thanh Khê - TP. Đà Nẵng
Điện thoại : 0511. 3653 592 và 0511. 2215 592
Fax : 0511. 3653 593
E - mail : sba2007@songba.vn
Website : www.songba.vn

- **Tổ chức tư vấn:**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GIA QUYỀN (EPS)

Website: www.eps.com.vn

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 1&2 Central Garden, 225
Bến Chương Dương, Q. 1, TP.
HCM
Điện thoại: (08) 3838 6068
Fax: (08) 3838 6896

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3, 249 Trần Đăng Ninh,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Điện thoại: (04) 3974 4448
Fax: (08) 3974 4501



▪ **Tổ chức kiểm toán:**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở chính : 217 Nguyễn Văn Linh - Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 0511 3655 886

Fax : 0511 3655 887

Website : www.aac.com.vn

VII. PHỤ LỤC: Hồ sơ kèm theo

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khi chuyển đổi và các lần thay đổi
2. Điều lệ Công ty phù hợp với điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Báo cáo của kiểm toán (nguyên văn)
4. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2007, 2008 và 2009
5. Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết

Bản cáo bạch này được thực hiện một cách hợp lý, công bằng và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu gần nhất.

Xác nhận của những người chịu trách nhiệm chính đối với Bản cáo bạch này.

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đại diện Tổ chức Niêm yết

Chủ tịch HĐQT



Thái Văn Thắng

Tổng Giám đốc

Phạm Phong

Trưởng ban kiểm soát

Nguyễn Thành Sơn

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hùng

Đại diện tổ chức tư vấn

Tổng Giám đốc



Trần Dương Ngọc Thảo